

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI



(Giấy chứng nhận kinh doanh số 4703000010 đăng ký thay đổi lần 03 ngày 17/07/2009 tại Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Đồng Nai.)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số/UBCK – GCN..... do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....tháng.....năm.....)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1- Công ty cổ phần Tắm Lội Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai

Địa chỉ : Đường số 4, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai
Điện thoại : (061) 383 6130 Fax: (061) 383 6023
Website : www.donac.net

2- Công ty cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Địa chỉ : 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.
Điện thoại : (04) 3773 7070 Fax: (04) 3773 9058
Website : www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0607

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Nguyễn Thị Ánh
Chức vụ : Kế toán trưởng
Điện thoại : (061) 383 6130 - Fax: (061) 383 6023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

(Giấy chứng nhận kinh doanh số 4703000010 đăng ký thay đổi lần 03 ngày 17/07/2009 tại Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Đồng Nai.)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty CP Tắm lợi VLXD Đồng Nai
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 VNĐ
Số lượng phát hành	: 9.074.549 cổ phần
Tỷ lệ phát hành	: Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 02 cổ phần được quyền mua thêm 01 cổ phần mới.
Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phần

1. Tổ chức cam kết hỗ trợ



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Địa chỉ : 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.
Điện thoại : (08) 3773 7070 Fax: (08) 3773 9058
Website : www.fpts.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 6290 8686 Fax: (08) 6291 0607

2. Tổ chức kiểm toán



Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ : 229 Đồng Khởi - Quận 1 - Tp.HCM
Điện thoại : (08) 38 272295 Fax : (08) 38 272300
Website : www.auditconsult.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	7
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ.....	8
V.	CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH.....	46
VI.	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH.....	48
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH.....	55
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH.....	56
IX.	PHỤ LỤC.....	56

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự tăng trưởng của ngành xây dựng và qua đó ảnh hưởng tới ngành sản xuất vật liệu xây dựng. Một nền kinh tế tăng trưởng ổn định sẽ kéo theo nhu cầu vật liệu xây dựng gia tăng và ngược lại, nền kinh tế phát triển chậm lại sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động kinh doanh của ngành vật liệu xây dựng.

Sau ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu xảy ra từ năm 2008, năm 2009 nền kinh tế Việt Nam đã dần hồi phục, đầu tư trong và ngoài nước tiếp tục gia tăng. Ngành xây dựng đang cho thấy có nhiều tín hiệu phục hồi khả quan khi nhiều dự án xây dựng nhà ở, khu dân cư, ... được thực hiện. Với sự phục hồi của ngành xây dựng, nhu cầu về nguyên vật liệu xây dựng mà cụ thể là những sản phẩm mà Công ty cổ phần Tầm Lọc Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai sản xuất như xi măng, tầm lọc ... ngày càng gia tăng, đây chính là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình mở rộng quy mô sản xuất, duy trì được mức tăng trưởng doanh thu ổn định qua các năm.

2. Rủi ro luật pháp

Khi Công ty tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng của văn bản pháp luật về công ty cổ phần, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, tuy Luật chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 nhưng các văn bản dưới Luật vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó một sự thay đổi về chính sách trong lĩnh vực này sẽ phần nào ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro biến động giá nguyên liệu

Nguyên vật liệu chính trong hoạt động sản xuất của Công ty là Amiăng, clinker và các nguyên liệu khác. Hầu hết các nguyên liệu này đều được Công ty nhập khẩu, do đó việc khan hiếm nguồn cung cấp sẽ ảnh hưởng mạnh đến năng lực sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã tìm cho mình các nhà cung cấp tại các vùng lãnh thổ nơi có trữ lượng lớn Amiăng đảm bảo đáp ứng đủ khả năng sản xuất của Công ty. Riêng đối với nguyên vật liệu đầu vào là clinker, Công ty góp 10% vốn vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh, từ đó tạo thành quy trình sản xuất khép kín khi tiếp nhận clinker từ dây chuyền 1 công suất 2.500 tấn clinker/ngày và đến năm 2011 nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch Đồng Nai sẽ hoạt động hết công suất khi tiếp nhận thêm clinker từ dây chuyền 2 – Nhà máy xi măng Công Thanh 11.000 tấn clinker/ngày. Nhìn chung, nguyên vật liệu đầu vào luôn đáp ứng kịp thời năng lực sản xuất của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán và phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành

Trong đợt phát hành này, Công ty chỉ thực hiện phát hành cho đối tượng là các cổ đông hiện hữu của Công ty bên cạnh đó các tín hiệu lạc quan về sự hồi phục của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng cũng tác động mạnh mẽ lên thị trường chứng khoán Việt Nam, do vậy khả năng thành công của đợt phát hành lần này là khá cao. Tuy nhiên, trong trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế bán được thấp hơn khối lượng dự kiến chào bán trong thời hạn được cấp phép chào bán thì được coi là đợt chào bán không thành công. Đợt phát hành này Công ty không sử dụng dịch vụ bảo lãnh phát hành nên rủi ro từ đợt chào bán là có thể xảy ra. Nếu đợt chào bán không như mong đợi và số tiền thu được từ đợt phát hành này không đủ như dự kiến Công ty sẽ xem xét bán cho một số đối tượng khác với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu hoặc Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn còn thiếu bằng nguồn vốn khác là vay ngân hàng để đảm bảo đáp ứng đủ nguồn vốn cho hoạt động đầu tư.

Việt Nam là một nước đang phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng cao và ổn định so với các nước trong khu vực. Các dự án đầu tư bất động sản ngày càng tăng nhanh nên nhu cầu sử dụng vật liệu trong những năm sắp tới dự kiến tăng cao. Nắm bắt được nhu cầu này, Công ty đã huy động vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để đầu tư thêm dự án Trạm nghiền xi măng, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế, gia tăng lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông. Tuy nhiên, việc sử dụng tiền từ đợt phát hành để đầu tư vào dự án đầu tư trạm nghiền xi măng cũng có thể có những rủi ro xảy ra nếu như thời gian thi công dự án bị kéo dài, vận hành, khai thác đưa vào hoạt động không hiệu quả, điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị của cổ phiếu Công ty cũng như các lợi ích của cổ đông.

5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán ưu đãi (thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành). Đối với đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ này của DONAC, có một số lưu ý đối với nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau :

Tổng số cổ phiếu chào bán: 9.074.549 cổ phần (Chín triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm bốn mươi chín cổ phần) cho cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ thực hiện là 2:1 với giá phát hành là 10.000 đồng/cp.

Hiện tại, DONAC đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã là DCT, nhà đầu tư cũng nên lưu ý việc giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định.

PR_{t-1} : là giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.

PR : là giá phát hành.

Ví dụ :

Giả sử giá cổ phiếu DCT vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu (PR_{t-1}). Tổng số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là 9.074.549 cổ phần. Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cp. Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 18.149.098 cổ phần. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu SGD sẽ được điều chỉnh như sau :

$$P_{tc} = \frac{(20.000 \times 18.149.098) + (10.000 \times 9.074.549)}{18.149.098 + 9.074.549} = 16.667 \text{ đồng/cổ phần}$$

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của DONAC cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của DONAC :

Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) :

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Theo Báo cáo tài chính quý IV năm 2009 thì lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt được trong năm 2009 là 36.497.181.609 đồng.

Công ty không phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ trong năm 2009 nên số lượng cổ phần đang lưu hành vẫn là 18.149.098 cổ phần.

Khi đó EPS cơ bản năm 2009 sẽ là: $36.497.181.609 \text{ đồng} / 18.149.098 \text{ cổ phần} = 2.011 \text{ đồng/cp}$.

Trường hợp Công ty phát hành thành công 9.074.549 cổ phần thì khi đó số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân của Công ty sẽ là : $18.149.098 + 9.074.549 = 27.223.647 \text{ cổ phần}$.

Lúc đó EPS của Công ty sẽ được điều chỉnh giảm xuống tương ứng như sau :

$$EPS \text{ điều chỉnh} = 36.497.181.609 \text{ đồng} / 27.223.647 \text{ cổ phần} = 1.341 \text{ đồng/cp}.$$

Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn hoặc những rủi ro bất khả kháng khác nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Ông: **Nguyễn Công Lý**

Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Bà: **Nguyễn Thị Ánh**

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN HỒ CHÍ MINH

Ông **Lê Đỗ Tuấn**

Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Tắm lợp VLXD Đồng Nai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty : Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai
- Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai
- DONAC : Tên viết tắt của Công ty Cổ phần tắm lợp VLXD Đồng Nai
- HOSE : Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Thuế TNDN : Thuế thu nhập doanh nghiệp
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- VLXD : Vật liệu xây dựng
- KD : Kinh doanh

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Tiền thân của Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai là hãng Eternit của Pháp, được khởi công xây dựng từ năm 1964 đến 1966 đưa vào hoạt động với công suất ban đầu là 2.000.000 m² tắm lợp/năm.

Tháng 10 năm 1977, Nhà nước tiếp quản cơ sở Eternit - Việt Nam và đổi tên thành nhà máy Amiăng xi măng Đồng Nai, trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp gạch ngói và sành sứ xây dựng - Bộ xây dựng.

Ngày 29/03/1980 chuyển nhà máy Amiăng xi măng Đồng Nai từ Liên hiệp các xí nghiệp gạch ngói và sành sứ xây dựng về Liên hiệp các xí nghiệp Xi măng quản lý theo quyết định số 454/BXD-TCCB. Nhà máy có chức năng nhiệm vụ là một đơn vị sản xuất và tiêu thụ các loại sản phẩm Fibro xi măng và sản phẩm xây dựng khác theo kế hoạch của Liên hiệp giao. Sản phẩm gồm có: Tắm lợp sóng, tắm phẳng, ống thoát nước, sắp nóc, phụ kiện ống thoát nước.

Năm 1993, Bộ Xây dựng có quyết định đổi tên Nhà máy Amiăng xi măng Đồng Nai thành Công ty Tắm lợp VLXD Đồng Nai trực thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, có nhiệm vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Fibro xi măng và các VLXD khác. Năm 1994, hoàn thiện quy trình công nghệ đưa sản lượng sản xuất hơn 6 triệu m²/năm. Năm 1995, Công ty đầu tư thêm dây chuyền sản xuất xi măng với công suất 100.000 tấn/năm, đến năm 2000 tiếp tục đầu tư nâng công suất lên 200.000 tấn/năm để cung cấp xi măng cho sản xuất tắm lợp và thị trường. Năm 2001 và 2002, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất gạch bê tông (gạch block, gạch lát vỉa hè) với công suất 1.000.000m²/năm và một dây chuyền sản xuất ngói màu với công suất 2.000.000 viên/năm. Từ năm 2007 đến nay Công Ty đã đầu tư Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh công suất 1.000.000 tấn/năm tại Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai trên diện tích đất và mặt nước 17 ha, dự kiến quý I/2010 sẽ hoàn thành đưa vào hoạt động.

Kể từ khi tiếp quản đến nay, Công ty Cổ phần tắm lợp VLXD Đồng Nai đã không ngừng phát triển về quy mô và năng lực sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của Công ty không những có lãi mà còn bảo toàn và phát triển được vốn sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và không ngừng nâng cao thu nhập cho người lao động.

Năm 2000, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 06 năm 2000 về việc chuyển Công ty Tắm lợp VLXD Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000010 ngày 22 tháng 09 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Chỉ sau 2 năm cổ phần hóa, Công ty cổ phần Tắm lợp VLXD Đồng Nai đã phát huy nội lực, đầu tư công suất nhà máy xi măng và vật liệu xây dựng Đồng Nai lên gấp hai lần, cải tạo nâng cấp 2 dây chuyền sản xuất tắm lợp đưa công suất tăng 25-30% so với thiết kế và tham gia đầu tư ở khu công nghiệp Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai). Các sản phẩm mang thương hiệu độc quyền DONAC với chất lượng cao, thường xuyên được thay đổi mẫu mã, bao bì phù hợp với thị hiếu và được người tiêu dùng ưa chuộng, giữ vững thị phần lớn từ các tỉnh Nam Trung Bộ đến Đồng bằng Sông Cửu Long.

Đến ngày 10/10/2006 Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai đã chính thức được niêm yết cổ phiếu trên Thị Trường Chứng khoán Việt Nam theo Giấy phép số 60/UBCK-GPNY cấp ngày 21/09/2006 của UBCKNN. Đây là mốc sự kiện quan trọng cho việc tăng uy tín thương hiệu cho Công ty, tăng khả năng huy động vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh,...

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai

Tên Tiếng Anh : Dongnai Roofsheets & Construction Material Joint – Stock Company

Tên viết tắt : DONAC

Địa chỉ : Đường số 4, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 383 6130

Fax : (061) 383 6023

Biểu tượng của Công ty:



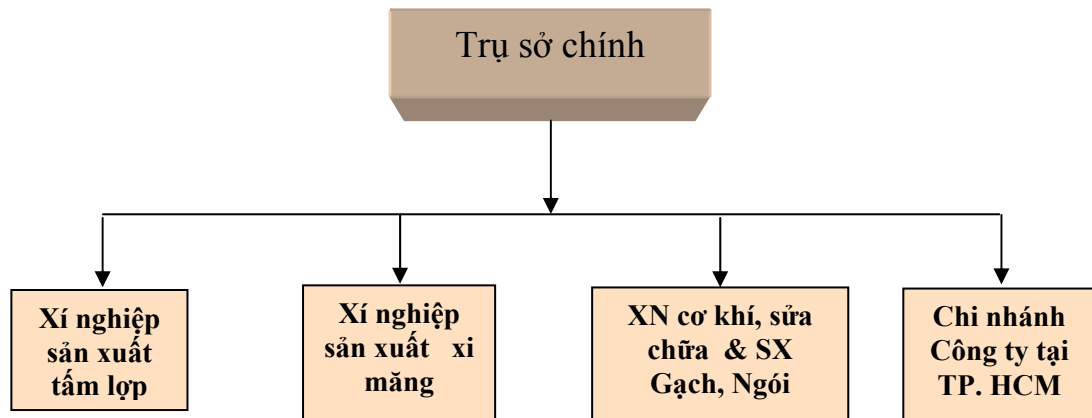
Vốn điều lệ : 181.490.980.000 VND (*Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000010 đăng ký thay đổi lần 03 ngày 17/07/2009 tại Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề KD: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tắm lợp và xây lắp. Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng. Sản xuất, mua bán: clinker (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy. Mua bán xe ô tô, xe gắn máy. Bốc xếp hàng hóa.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Tắm lợp VLXD Đồng Nai được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ VIII thông qua ngày 29/11/2005 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006), các luật khác có liên quan và Điều lệ hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:



Trụ sở chính Công ty: là nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của Ban Giám đốc Công ty và các Phòng chuyên môn.

- Địa chỉ : Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.
- Điện thoại : (061) 3836 130
- Fax : (061) 3836 023

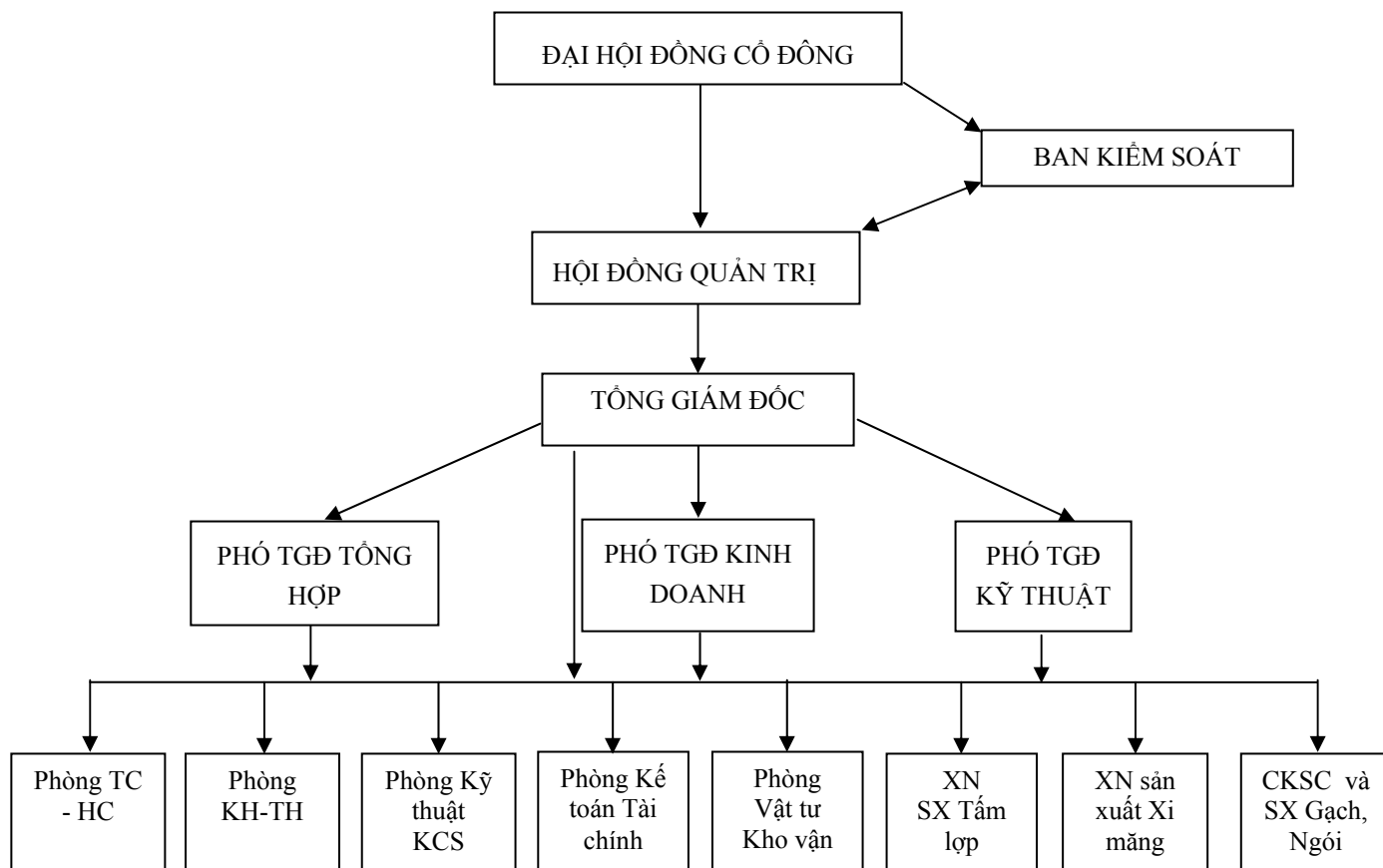
Xí nghiệp sản xuất tắm lợp, Xí nghiệp sản xuất xi măng, Xí nghiệp cơ khí, sửa chữa và sản xuất gạch, ngói: được đặt trong khuôn viên trụ sở chính của Công ty, tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.

Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Số 2/14- 2/16 Hàm Nghi , Quận 1, Tp.HCM.
- Điện thoại: (08) 39151607

3. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Tắm lợp VLXD Đồng Nai được thể hiện theo sơ đồ sau:



Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các phòng ban, bộ phận khác được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy chế, nội quy khác của Công ty. Cụ thể như sau:

- ♦ **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có quyền lực cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, có trách nhiệm và nhiệm vụ sau: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các Kiểm toán viên. Thảo luận và phê duyệt các chủ trương chính sách đầu tư ngắn hạn và dài hạn về phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành hoạt động sản xuất của Công ty.

- ♦ **Hội đồng Quản trị:** Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có trách nhiệm đưa ra các chính sách tồn tại và

phát triển, đề ra các Nghị quyết hoạt động giao cho Giám đốc điều hành Công ty triển khai thực hiện.

- ♦ **Ban kiểm soát:** Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong toàn bộ hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban kiểm soát.

- ♦ **Ban Giám đốc:** Giám đốc là người điều hành và quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- ♦ **Các phòng nghiệp vụ:**

Phòng Tổ chức – Hành Chính: có nhiệm vụ sắp xếp cơ cấu tổ chức hợp lý, có hiệu quả, chịu trách nhiệm điều động nhân sự phục vụ sản xuất, quản lý về lao động, tiền lương cho cán bộ CNV. Tổ chức cán bộ và tuyển dụng, đào tạo lao động và thực hiện các chính sách theo Bộ luật lao động. Tiếp nhận văn thư, giao dịch, tiếp khách, quản lý và điều xe đi công tác. Chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên.

Phòng Kế hoạch tổng hợp: Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý năm. Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Lập các báo cáo tháng, quý, năm, chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp giao ban và Đại hội đồng cổ đông.

Phòng kỹ thuật KCS: chịu trách nhiệm về kỹ thuật sản xuất, kỹ thuật thiết bị, xây dựng đầu tư và kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật. Lập kế hoạch sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên TSCĐ, kiểm tra quy trình công nghệ sản xuất, kiểm tra chất lượng hàng hoá, vật tư, sản phẩm và phân loại sản phẩm hàng hoá.

Phòng Kế toán Tài chính: chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác kế toán của Công ty, phân tích hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính để giúp lãnh đạo Công ty có những quyết định đúng đắn trong sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao trong việc quản lý và phát triển doanh nghiệp.

Phòng Vật tư – Kho vận: Thực hiện việc ký kết, theo dõi mua bán vật tư, nguyên liệu. Tổ chức sắp xếp, quản lý các kho vật tư, nguyên liệu, cung cấp đầy đủ vật tư nguyên liệu phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phòng Thị trường – tiêu thụ: Tổ chức tìm hiểu các thông tin về thị trường, xây dựng các chiến lược marketing, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm khách hàng. Ký kết, theo dõi và thanh quyết toán hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức và quản lý mạng lưới bán hàng, các nhà phân phối, các đại lý tại khu vực miền Trung, Tây nguyên, miền Đông, miền Nam Bộ, TP. Hồ Chí Minh và các vùng lân cận. Tổ chức bán hàng, giao hàng và vận chuyển hàng cho khách hàng.

4. Danh sách và cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông xin ý kiến phát hành thêm ngày 16/09/2009)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị (1.000 VND)	Tỷ lệ (%)
01	Nguyễn Công Lý	52 Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM	3.750.000	37.500.000	20,66
02	Tổng Công Ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	Số 228, đường Lê Duẩn, P.Trung Phụng, Q.Đống Đa, Tp. Hà Nội	2.268.244	22.682.440	12,50
03	Nguyễn Thị Thành	52/1 Khu phố 6, P.Tân Hòa, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	1.179.132	11.791.320	6,50
	Cộng		7.197.376	71.973.760	39,66

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị (1.000 VND)	Tỷ lệ (%)
01	Tổng Công Ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	Số 228, đường Lê Duẩn, P.Trung Phụng, Q.Đống Đa, Tp. Hà Nội	2.268.244	22.682.440	12,50
02	Nguyễn Quang Phục	Số 9, đường Yersin, Q1, Tp. Hồ Chí Minh	17.550	175.500	0,10
	Cộng		2.285.794	22.857.940	12,60

Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, số lượng cổ phần sở hữu của các cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty vào ngày 22/9/2000 bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 3 năm kể từ ngày đăng ký kinh doanh. Số lượng cổ phần tăng thêm của cổ đông sáng lập trong các đợt phát hành sau ngày đăng ký kinh doanh lần đầu không bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại ngày 16/09/2009 (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỉ lệ nắm giữ)

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Giá trị (1.000 VND)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	17.393.852	173.938.520	96%
1	Cổ đông tổ chức	2.459.066	24.590.660	14%
2	Cổ đông cá nhân	14.934.786	149.347.860	82%
II	Cổ đông nước ngoài	755.246	7.552.460	4%
	Cổ đông tổ chức	549.330	5.493.300	3%
	Cổ đông cá nhân	205.916	2.059.160	1%
Tổng cộng		18.149.098	181.490.980	100%

Nguồn: DONAC

5. Danh sách những Công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán

♦ Danh sách những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Đầu tư Phương Thảo- Phước Khánh

- Địa chỉ trụ sở chính : Xã Phước Khánh, Nhơn Trạch, Đồng Nai
- Điện thoại : 061.3836130 Fax: 061.3836023
- Ngành, nghề kinh doanh : Đầu tư xây dựng nhà máy theo dự án, xây dựng dân dụng công nghiệp, giao thông, cầu đường, cơ sở hạ tầng KCN. San lấp mặt bằng; sản xuất xi măng các loại, tấm lợp, gạch ngói, bao bì bằng giấy và nhựa. Mua bán vật liệu xây dựng.
- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ cổ phần của công ty cổ phần Tấm lợp và vật liệu xây dựng Đồng Nai sở hữu: 100%.

Hiện nay, Công ty đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để chuyển đổi hình thức sở hữu công ty con.

♦ Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Công ty không có công ty nào khác nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các nhóm sản phẩm chính của Công ty gồm:

a. Doanh thu sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

Khoản mục	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tấm lợp	135.635	86,15	135.266	68,66	205.999	65,70
Gia công xi măng	15.263	9,70	36.411	18,48	80.978	25,83
Bê tông	-	-	22.185	11,26	24.797	7,91
Gia công đá Pozzolana	3.419	2,17	655	0,33	-	-
Khác	3.130	1,98	2.494	1,27	1.750	0,56
Tổng doanh thu	157.447	100	197.011	100	313.524	100

Nguồn: DONAC

b. Lãi trước thuế các sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Khoản mục	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tấm lợp	37.338	96,36	33.191	74,67	36.538	81,34
Gia công Xi măng	(78)	(0,20)	1.621	3,65	9.984	22,23
Bê tông	-	-	2.735	6,15	1.738	3,87
Gia công Pozzolana	-	-	327	0,73	-	-
Khác	1.490	3.84	6.577	14,80	(3.336)	(7,44)
Tổng lợi nhuận	38.750	100,00	44.451	100,00	44.924	100,00

Nguồn: DONAC

6.2 Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu

- Amiăng Chrysotile: là những hợp chất muối axit silic được khai thác ở mỏ quặng silic và gia công thành sợi bông amiăng. Amiăng có đặc điểm cách nhiệt, cách điện, cách âm, chịu được nhiệt độ cao, chịu được axit, kiềm và lâu hỏng vì vậy amiăng được sử dụng rộng rãi với khối lượng rất lớn.

Loại dùng để sản xuất tấm lợp Fibro là amiăng chrysotile (hay còn gọi là AC trắng). Đây là nguyên liệu sản xuất hơn 300 loại sản phẩm từ tấm lợp, ống thoát nước, vách ngăn cách âm, cách nhiệt, má phanh và những sản phẩm công nghệ cao như thiết bị vi tính, tên lửa,... nhưng lượng sản phẩm lớn nhất làm ra từ AC trắng vẫn là tấm lợp fibro ximăng.

Phải khẳng định rằng amiăng có độc. Loại sợi khoáng này có nguồn gốc từ 2 loại đá. Nhóm amiăng từ đá amphibon có màu xanh hoặc nâu, dễ di chuyển trong không khí, qua đường hô hấp vào phổi không bị phân hủy và kích thích tạo thành ung thư bướu. Nhóm này từ lâu đã bị cấm sản xuất trên thế giới nên không được nhập vào Việt Nam.

Nhóm amiăng trắng từ đá Xecpentin, có hình sợi xoắn ốc, mềm mịn và ít độc hại. Amiăng trắng hiện được sử dụng ở 125 nước trên thế giới, trong đó có đến 60 nước (gồm cả Mỹ, Anh, Pháp, Canada, Nhật Bản...) sử dụng làm tấm lợp.

Amiăng trắng được làm ẩm bằng nước ở dạng bột nên khi đưa vào sản xuất nó không phát tán trong không khí, lượng bụi tại nơi sản xuất không nhiều và đã được xử lý triệt để thông qua các hệ thống lọc.

- Clinker: là sản phẩm nung thiêu kết ở nhiệt độ 1450 độ C của đá vôi, đất sét và một số phụ gia điều chỉnh hệ số như quặng sắt, boxit, cát...

Thành phần hóa học chủ yếu của phối liệu gồm 04 oxit chính như: CaO (từ đá vôi), và SiO₂, Fe₂O₃, Al₂O₃ (từ đất sét).

Bốn oxit chính trong phối liệu khi nung đến 1450 độ C sẽ phản ứng với nhau tạo thành 04 khoáng chính trong clinker C₃S, C₂S, C₃A, C₄AF. Các khoáng này có cấu trúc tinh thể khác nhau và quyết định đến tính chất tinh thể của clinker, chất lượng của clinker sẽ quyết định tính chất của ximăng.

- Bột giấy: được nghiền ra từ giấy Kraft sử dụng nhằm tăng độ dẻo trong quá trình xeo ép của công nghệ sản xuất tấm lợp.

- Các loại nguyên liệu khác: Thạch cao, đá pozzolana sử dụng để làm tăng thêm độ kết dính của xi măng.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty:

STT	Nhà cung cấp	Quốc gia	Nguyên liệu
1	MATERIAL RESOURCES & TRADING CORPORATION	Nga	Amiăng
2	MINE JEFFREY INC	Canada	Amiăng
3	Clarabell Trading Corporation	Islands	Amiăng
4	Công ty CP xi măng Công Thanh	Việt Nam	Clinker, Thạch cao

Nguồn: DONAC

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất của Công ty là Amiăng Chrysotile và Clinker. Đối với nguồn cung cấp Amiăng Chrysotile, chủ yếu được nhập khẩu từ Canada và Nga – là nước sản xuất chủ yếu sản lượng amiăng trên toàn cầu trong đó Nga hàng năm sản xuất trên 700.000 tấn, Canada sản xuất sản lượng hàng năm trên 400.000 tấn. Hiện tại Công ty đang có hợp đồng cung cấp nguyên liệu ổn định với các tập đoàn tại các nước có trữ lượng lớn nên đảm bảo được đầu vào cho hoạt động sản xuất. Riêng đối với nguồn nguyên vật liệu cho sản xuất xi măng, ngoài nhà cung cấp ổn định và lâu dài mà Công ty đã và đang ký kết, Công ty đã góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Xi măng Công Thanh (10% vốn điều lệ) – doanh nghiệp chuyên sản xuất Clinker với Công suất thiết kế là 750.000 tấn clinker/năm, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho hoạt động sản xuất của Công ty.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Giá cả nguyên vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty bởi vì nguyên vật liệu chính như Amiăng, Clinker chiếm một tỷ trọng lớn khoảng 80% trong giá thành sản phẩm, mà hiện nay hầu hết các nguyên liệu này phải nhập khẩu từ nước ngoài. Tuy nhiên, để hạn chế sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, một mặt Công ty duy trì tốt mối quan hệ với nhà cung cấp giá rẻ hiện có, mặt khác Công ty tiếp tục tìm kiếm nguồn nhập khẩu có giá cạnh tranh hơn. Trong tương lai, Công ty sẽ nghiên cứu, tìm nguồn nguyên liệu thay thế để sản xuất tấm lợp, giảm bớt chi phí, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

6.3 Chi phí sản xuất

Yếu tố chi phí sản xuất luôn được Công ty quan tâm và xem xét cẩn thận để có thể tiết giảm được chi phí ở mức tối đa, tăng lợi nhuận cho Công ty. Quá trình kiểm soát

chi phí được tiến hành ngay từ khâu thu mua nguyên vật liệu đến khâu bán hàng. Đặc biệt trong quá trình sản xuất, để giảm mức tiêu hao nguyên liệu, Công ty sử dụng tối đa công suất hiện có, thiết lập các định mức kỹ thuật cho từng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế phẩm từ 0,50% xuống còn 0,34%.

Các yếu tố chính trong cơ cấu chi phí của Công ty được thể hiện ở bảng sau:

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

Stt	Yếu tố chi phí	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
		Giá trị	%/ Doanh thu	Giá trị	%/ Doanh thu	Giá trị	%/ Doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	108.538	68,94%	144.070	73,13%	245.905	78,43%
2	Chi phí bán hàng	2.246	1,43%	2.430	1,23%	4.184	1,33%
3	Chi phí QLDN	8.634	5,48%	11.486	5,83%	14.812	4,72%
4	Chi phí tài chính	1.107	0,70%	1.842	0,93%	5.152	1,64%
Tổng cộng		120.525	76,55%	159.828	81,13%	270.053	86,13%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2007, 2008, 2009

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản mục chi phí, chủ yếu là giá vốn của Fibro xi măng, Xi măng do chi phí nguyên liệu đầu vào của các loại sản phẩm này cao (chiếm hơn 80%). Tuy nhiên, trong quá trình vận hành các dây chuyền sản xuất, Công ty đã giảm thiểu chi phí sửa chữa, tăng được thời gian hoạt động hữu ích của thiết bị.

Nhìn chung, chi phí sản xuất của Công ty có tính cạnh tranh cao so với các đơn vị sản xuất cùng ngành.

6.4 Trình độ công nghệ

a. Quy trình sản xuất tấm lợp

Công nghệ sản xuất tấm lợp Fibroximăng hiện nay là công nghệ xeo ướat Hatschek. Quy trình sản xuất cụ thể như sau:

- Nạp amiăng vào máy nghiền: Amiăng chrysotile (amiăng trắng) theo tỷ lệ yêu cầu được làm ẩm bằng nước trong quá trình nghiền ở máy nghiền xa luân, sau đó được định lượng và đưa vào máy trộn Missenard cùng với nguyên liệu bột

giấy cũng đã được cân theo đúng tỷ lệ. Toàn bộ hỗn hợp trên được chuyển vào máy trộn Hollander.

- Nạp xi măng vào máy trộn nguyên liệu: xi măng từ các silo chứa được đưa tới bồn cân để định lượng rồi chuyển tới máy trộn Hollander. Hỗn hợp gồm Bột giấy, Amiăng, Xi măng sau khi trộn đều được chuyển tới bồn chứa để phân phối cho các bể xeo.
- Tại các bể xeo, hỗn hợp nguyên liệu được xeo dán vào băng tải phốt, được nén ép thành tấm trên xi lanh tạo hình tấm phẳng. Khi đủ độ dày theo quy định, tấm phẳng được tách khỏi xi lanh và được các băng tải chuyển đến bộ phận cắt theo quy cách để chuyển đến khâu tạo hình.
- Sau thời gian bảo dưỡng trên khuôn, các tấm sóng được gỡ, kiểm tra chất lượng và xếp thành từng kiện trên máy gỡ khuôn.
- Các kiện sản phẩm được nhập kho và tiếp tục bảo dưỡng đủ 28 ngày trước khi xuất bán hoặc sử dụng.

b. Trình độ công nghệ của Công ty

Dây chuyền sản xuất tấm lợp fibro xi măng đã có trên 40 năm hoạt động, tuy nhiên những năm trước đây, dây chuyền đã không được sử dụng hết công suất hoạt động của nó. Với phương châm nâng cao chất lượng vận hành thiết bị, chế độ duy tu sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị luôn được quan tâm, do vậy tăng được thời gian hoạt động hữu ích của thiết bị, tăng năng lực sản xuất và cho đến thời điểm hiện nay, thiết bị luôn cho năng suất của từng ca máy ổn định và từng bước nâng cao dần so với thiết kế ban đầu của máy móc thiết bị sau nhiều năm khai thác. Ngoài ra, Công ty đã đầu tư chiều sâu dây chuyền tự động hóa khâu cấp nguyên liệu, bột giấy cho xí nghiệp sản xuất tấm lợp, hạn chế được lượng bụi tại nơi sản xuất, đảm bảo sức khỏe cho lao động trực tiếp tiếp xúc với amiăng.

Dây chuyền sản xuất xi măng được đầu tư vào năm 1996 và năm 2001 với thiết bị công nghệ tự động hoá cao, sản xuất ra sản phẩm PCB40 đạt tiêu chuẩn TCVN 6260-1997.

Dây chuyền sản xuất ngói màu DONAC được trang bị thiết bị và công nghệ hoàn toàn của Ý. Với công nghệ tiên tiến này đảm bảo cho ra những sản phẩm về chất lượng, mẫu mã tốt và đúng quy cách.

Nhìn chung, dây chuyền sản xuất của Công ty là tân tiến so với doanh nghiệp khác cùng ngành. Đối với dây chuyền đã được vận hành lâu năm, Công ty chú ý bảo trì, nâng cấp, vận hành đúng công suất, hạn chế các hư hỏng.

Mặt hàng truyền thống của Công ty cổ phần Tắm lợp VLXD Đồng Nai là tắm lợp Fibro ximăng và Ximăng. Với hai mặt hàng chủ yếu này, Công ty đã có bề dày kinh nghiệm sản xuất, hàng năm đã cho ra thị trường những sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao, và là doanh nghiệp công nghiệp vật liệu xây dựng đứng đầu cả nước về sản xuất tắm lợp Fibroximăng. Với hệ thống máy móc thiết bị như hiện nay và lực lượng tay nghề cao, sản lượng lớn chất lượng ổn định, Công ty luôn nghiên cứu tìm tòi để đưa ra những sản phẩm tắm lợp tốt nhất, phù hợp với môi trường, điều kiện sống của từng vùng, lãnh thổ.

Với sản phẩm xi măng PCP 40 nhãn hiệu DONAC mác cao, Công ty luôn đặt ra yêu cầu chất lượng sản phẩm phải ổn định, mẫu mã bao bì hợp thị hiếu và bảo quản tốt hàng hóa. Với sản phẩm gạch các loại, bên cạnh việc ổn định chất lượng đạt đúng tiêu chuẩn, Công ty luôn không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, nghiên cứu chế tạo ra những khuôn mẫu phù hợp với kiểu dáng mới của từng sản phẩm phù hợp với đơn đặt hàng.

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty và sức cầu của thị trường, Công ty đã thực hiện đầu tư nhiều hạng mục công trình xây dựng và trang thiết bị với tổng vốn đầu tư là 4 tỷ 371 triệu đồng. Ngoài ra, dự án đầu tư Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch công suất 1.000.000 tấn/năm tại cụm công nghiệp Nhơn Trạch đã được chính thức khởi công vào cuối quý 3/2006.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Vẫn duy trì kinh doanh các mặt hàng sẵn có hiện nay.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hệ thống quản lý chất lượng của công ty đang áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Ngày 25 tháng 01 năm 2006, hệ thống quản lý chất lượng của Công ty được Intertek Service NA, Inc đánh giá và chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

b. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Ngành vật liệu tắm lợp hiện nay trở thành một ngành lớn với nhiều chủng loại sản phẩm được sản xuất từ nhiều công nghệ mới chất lượng cao, và thậm chí có cả những công nghệ rẻ tiền đơn giản, đã tạo nên thị trường đa dạng và đầy phức tạp, nhưng sản phẩm tắm lợp DONAC vẫn là sản phẩm được người tiêu dùng các tỉnh duyên hải Miền Trung đến miền Tây Nam bộ mến chuộng. Khẳng định tính tiện ích và chất lượng của sản phẩm luôn được quan tâm hàng đầu, các chỉ tiêu cơ lý so với tiêu chuẩn đều

vượt tiêu chuẩn TCVN 4434-2000, đặc biệt ở hai chỉ tiêu quan trọng là lực uốn ngang trên tấm thực tế bình quân các mẫu thử trong cả năm đạt 3.800 – 4000N/m cao hơn so với tiêu chuẩn 3500N/m, chiều dày của sản phẩm bình quân lớn hơn hoặc bằng 5 ly, khối lượng thể tích đạt 1,60g/cm³ so với tiêu chuẩn là 1,50g/cm³; các chỉ tiêu ngoại quan luôn luôn tốt.

Về sản phẩm xi măng PCB.40, chất lượng cao, ổn định, qua kết quả thử mẫu trong năm có cường độ chịu nén sau 28 ngày (R28) bình quân là 45,6N/mm² cao hơn so với tiêu chuẩn TCVN 6260-1997 là 40N/mm²s; độ mịn (Blaine) của hai máy đạt từ 3.800 cm²/g trở lên, các chỉ tiêu cơ lý khác đều đạt tốt hơn so với quy định.

6.7 Hoạt động Marketing

Công tác tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm được củng cố thêm về mặt tổ chức. Xí nghiệp kinh doanh tiêu thụ được thành lập, với nhiều chức năng quyền hạn được bổ sung. Cơ chế giá bán, khuyến mãi, dịch vụ sau khi bán hàng, các đại lý được quan tâm chăm sóc đầy đủ hơn.

Sản phẩm: sản phẩm của công ty được đóng nhãn hiệu DONAC.

Cơ chế giá bán: phù hợp với giá cả thị trường, linh hoạt và áp dụng rộng rãi cho mọi đối tượng khách hàng

Cơ chế khuyến mãi: áp dụng cho các nhà phân phối, đại lý, khách hàng mua số lượng lớn.

Dịch vụ sau khi bán hàng: hướng dẫn sử dụng và bảo hành sản phẩm.

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

a. Thương hiệu của Công ty



Nhãn hiệu đã được Công ty đăng ký độc quyền.

b. Phát minh sáng chế và bản quyền. Chưa có.

6.9 Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết**Các hợp đồng mua hàng**

STT	Số Hợp đồng	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Nội dung Hợp đồng	Trị giá HĐ
01	No.CIMIC07A1/A001	China Machine-Building International Corp.	02/2007	Cung cấp thiết kế, thiết bị, vật tư và thi công xây lắp Nhà Máy Nghiền xi măng.	30.600.000 USD
02	02-2009/MRT-DONAC	Material Resources & Trading Corporation	09/01/2009	Mua nguyên vật liệu	2.480.860 USD
03	01/PHB-ĐN	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Phú Hà	31/03/2009	Thiết kế bản vẽ thi công, tư vấn công bố cảng Nhà máy nghiền xi măng	850.000.000 đ

Nguồn: DONAC

Các hợp đồng bán hàng

STT	Số Hợp đồng	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Nội dung Hợp đồng	Trị giá HĐ (triệu VND)
1	16/HĐKT-DONAC	Công ty TNHH Một thành viên Ngọc Mười	02/01/2009	Mua bán các sản phẩm nhãn hiệu DONAC	1.000
2	08	Công ty cổ phần TM Chợ Gạo	02/01/2009	Mua bán các sản phẩm nhãn hiệu DONAC	4.000
4	21	DNTN Quốc Việt	20/02/2009	Mua bán các sản phẩm nhãn hiệu DONAC	6.000
5	02	DNTN Bảy Mai	02/01/2009	Mua bán các sản phẩm nhãn hiệu DONAC	63.000
6	01	DNTN Nam Vũ	02/01/2009	Mua bán các sản phẩm nhãn hiệu DONAC	60.000
7	19	Công ty CP vật tư Hậu Giang	02/01/2009	Mua bán các sản phẩm nhãn hiệu DONAC	500
8	13	Công ty CP VLXD và KS Bình Thuận	02/01/2009	Mua bán các sản phẩm nhãn hiệu DONAC	1.200
9	010109	Công ty CP xi măng Công Thanh	01/01/2009	Nhận gia công sản xuất xi măng	65.000

Nguồn: DONAC

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

STT	Chỉ tiêu	2007	2008	% tăng (giảm) 2008/2007	2009	% tăng (giảm) 2009/2008
1	Tổng giá trị tài sản	381.632	353.658	(7,33%)	720.317	103,68%
2	Doanh thu thuần	157.447	197.011	25,13%	313.524	59,14%
3	Giá vốn hàng bán	108.538	144.071	32,74%	245.905	70,68%
4	Lợi nhuận từ HĐKD	39.270	44.256	12,70%	44.208	(0,11%)
5	Lợi nhuận khác	(519)	194	(137,38%)	716	269,07%
6	Lợi nhuận trước thuế	38.751	44.451	14,71%	44.924	1,06%
7	Lợi nhuận sau thuế	33.212	37.693	13,49%	33.297	(11,66%)
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	15%	15%		15%	

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2007, 2008, 2009.

Có thể nói năm 2008 là một năm phức tạp và đầy biến động, lạm phát làm đồng tiền mất giá, hàng hóa giá cả tăng cao và không ổn định.... sự tác động suy thoái kinh tế toàn cầu làm đình trệ nền kinh tế là nguyên nhân khiến hàng loạt các doanh nghiệp, công trình xây dựng tạm thời ngưng hoạt động hoặc giảm tiến độ ... Nhưng đây cũng là năm mà công ty DONAC tiếp tục khẳng định sự phát triển bền vững của mình, cụ thể như doanh thu cả năm 2008 là 197 tỷ đồng, tăng 25,13% so với năm 2007, giữ mức tăng trưởng bình quân 15% năm, qua đó lợi nhuận sau thuế năm 2008 cũng tăng tương ứng lên 37 tỷ đồng, tăng 13,49% so với năm 2007. Tỷ suất lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh chính trên vốn điều lệ 20,77%/ năm. Sau khi trích lập các quỹ theo quy định cổ tức thực chia cho cổ đông là 15% năm.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

Sản phẩm của Công ty mang thương hiệu DONAC đã được bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao và cúp vàng thương hiệu Việt nên được người tiêu dùng ưa chuộng, đặc biệt là tấm lợp Fibroximăng. Các sản phẩm đạt được độ tin nhiệm trên thị trường khu vực phía Nam, miền Đông Nam Bộ và các tỉnh lân cận, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiêu thụ sản phẩm. Tính ưu việt của tấm lợp Fibroximăng mà các loại sản phẩm khác không có được đó là: sử dụng rất bền, tuổi thọ từ 30 năm trở lên, không bị sét rĩ, mục nát, không bị cháy, rất thích hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới, nóng ẩm,

mưa nhiều, môi trường có nước muối và phèn mặn. Cách âm, cách điện tốt, dễ sử dụng, dễ sửa chữa. Giá cả phù hợp với sức mua của người tiêu dùng hiện nay.

Dây chuyền sản xuất của công ty được trang bị hiện đại, chế độ duy tu bảo trì sửa chữa luôn được quan tâm nên dây chuyền được sử dụng hết năng suất, giảm được tỷ lệ phế phẩm, tăng sản lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Công tác cung ứng vật tư nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh, sửa chữa được rà soát cân đối phù hợp với giá cả, định mức sử dụng tiêu dùng, giảm lượng dự trữ ở mức cho phép tạo hiệu quả đồng vốn kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Công ty nằm trong Khu công nghiệp Biên Hoà I là vị trí trọng điểm kinh tế vừa thuận lợi về giao thông đường bộ lẫn đường biển và cả đường sắt nên việc vận chuyển hàng hoá rất thuận tiện.

Ban lãnh đạo công ty ngày càng được trẻ hoá, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ và năng lực, đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề cao, đoàn kết gắn bó với doanh nghiệp nên đã tạo ra những thành công lớn trong những năm qua.

Khó khăn

Sự cạnh tranh của các công ty trong cùng ngành ngày càng gay gắt về mọi mặt như: cạnh tranh về nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, về thị phần tiêu thụ, về giá bán sản phẩm... đã làm cho tỷ suất sinh lợi từ hoạt động kinh doanh khó đạt được bằng các năm trước đây.

Hệ thống thiết bị công nghệ sản xuất chính sử dụng trên 40 năm, sản phẩm chủ yếu là tấm lọc, thị phần ở vùng sâu vùng xa nơi có thu nhập thấp, không phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng ở thành thị thời kinh tế thị trường. Nhà xưởng, vật kiến trúc, thiết bị phụ trợ, đặc biệt là hệ thống xe nâng hàng phục vụ sản xuất tốn nhiều nhiên liệu và chi phí sửa chữa nhưng vẫn không phục vụ kịp thời cho nhu cầu sản xuất hiện nay. Do vậy, việc đầu tư nâng cấp, thay thế thiết bị công nghệ đồng bộ để vừa đáp ứng nhu cầu thị trường vừa đạt được hiệu quả kinh tế là một khó khăn mà Công ty đang phải đối mặt.

Lực lượng lao động trong công ty còn đông, tuổi đời bình quân khá cao, năng lực nghiệp vụ chuyên môn của một số công nhân còn hạn chế, việc đào tạo bố trí lao động ở một số khu vực chưa hợp lý nên năng suất hiệu quả và chất lượng lao động không cao.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần Tắm lợp VLXD Đồng Nai là doanh nghiệp đứng đầu trong ngành nói riêng và cả nước nói chung về sản xuất tắm lợp Fibroximăng hiện nay. Với hệ thống máy móc thiết bị tiêu chuẩn và lực lượng tay nghề cao, sản lượng chất lượng ổn định, Công ty luôn đáp ứng nhu cầu của thị trường trong khu vực và trong cả nước. Cho đến nay, Công ty đang chiếm giữ 40% thị phần toàn quốc trong cung cấp tắm lợp, riêng đối với khu vực Phía Nam đặc biệt là Đồng bằng Sông Cửu Long, Công ty đang chiếm ưu thế rất lớn. Hiện tại, cả nước cũng có nhiều đơn vị sản xuất tắm lợp, nhưng ở quy mô lớn thì có thể kể đến Công ty sản xuất tắm lợp Đồng Anh ở khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam có Công ty DONAC. Hiện tại, nhà máy nghiền Clinker Công Thanh thuộc Công ty cổ phần Xi măng Công Thanh đã đi vào hoạt động, Công ty có thể chủ động hơn về nguồn nguyên liệu đầu vào, do đó khả năng cạnh tranh của Công ty sẽ được tăng lên đáng kể.

Riêng trong ngành sản xuất xi măng, hiện có nhiều đơn vị sản xuất xi măng trong và ngoài nước cùng tham gia sản xuất với nhiều quy mô lớn nhỏ khác nhau. Tại thị trường Đông Nam Bộ, ngoài Xi măng Hà Tiên được người tiêu dùng quan tâm nhiều nhất, còn có Xi măng Hoàng Thạch, Hải Phòng. Đối với Công ty xi măng liên doanh nước ngoài ở khu vực Đông Nam Bộ còn có xi măng Holcim, Luks xi măng, Nghi Sơn, Chinfon-Hải Phòng. Nếu đánh giá một cách tổng quan thì xi măng DONAC hiện nay chiếm thị phần không đáng kể vì sản lượng sản xuất của Công ty không nhiều. Để nâng cao khả năng cạnh tranh với các công ty cùng ngành và mở rộng thị phần, Công ty đã triển khai đầu tư Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh với công suất dự kiến trong giai đoạn đầu là 1.000.000 tấn/năm và nguồn cung cấp clinker hoàn toàn từ nhà máy xi măng Công Thanh. Với dự án này cùng với chính sách bán hàng linh động, Công ty đảm bảo được khả năng cạnh tranh với các đơn vị khác cùng ngành.

b. Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2008 đi qua, ngành xây dựng đã đạt những kết quả khả quan về tăng trưởng, trong đó lĩnh vực đầu tư phát triển vật liệu xây dựng (VLXD) đóng một vai trò hết sức quan trọng.

Đến thời điểm này, nhìn tổng thể, các dự án đầu tư phát triển VLXD theo quy hoạch đã kết hợp được yêu cầu phát triển của ngành với phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương và lãnh thổ.

Nổi bật nhất là việc Chính phủ đã phê duyệt các dự án quy hoạch: Quy hoạch

tổng thể phát triển ngành công nghiệp VLXD đến năm 2010; quy hoạch phát triển VLXD theo 8 vùng kinh tế Tây Bắc, Đông Bắc, Đồng Bằng Sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng Sông Cửu Long. Hoàn thành quy hoạch 9 chuyên ngành sản xuất VLXD, trong đó có dự án điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (được điều chỉnh lần thứ 3, đưa công suất nhà máy xi măng từ 3,6 triệu tấn/năm 1991 lên 15 triệu tấn/năm 2000 và 25 triệu tấn/năm 2005). Hầu hết các địa phương đã quan tâm đến việc đầu tư phát triển VLXD theo quy hoạch, góp phần đưa công nghiệp VLXD phát triển nhanh. Do đầu tư phát triển VLXD theo đúng quy hoạch, tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp VLXD cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của công nghiệp cả nước. Đây là một thành công nổi bật của lĩnh vực này.

Mặc dù có kết quả nổi bật trong quản lý đầu tư, phát triển VLXD nhưng để thực hiện tốt các định hướng, chiến lược đề ra, báo cáo của Bộ cũng chỉ rõ, trong năm 2009 cần tổ chức thực hiện tốt dự án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp VLXD đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Đặc biệt, trong năm 2009, cần tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số nhà máy xi măng lớn đang triển khai để đưa vào sản xuất; điều hành cân đối cung cầu clinker, xi măng để bình ổn thị trường; chỉ đạo triển khai thực tế Chương trình cơ khí chế tạo thiết bị toàn bộ cho sản xuất xi măng và các thiết bị khác.

Nhìn chung, triển vọng phát triển ngành VLXD trong tương lai là rất lớn, không những đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước mà vật liệu xây dựng Việt Nam phần đầu tìm chỗ đứng bền vững trên thị trường quốc tế vì theo dự báo, trong vòng 5 năm tới, tốc độ tăng trưởng ở lĩnh vực xây dựng cơ bản trên thế giới sẽ tăng mạnh, điều này khiến cho nhu cầu nhập khẩu VLXD của nhiều nước cũng tăng theo, đặc biệt là một số thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Nga....Bộ xây dựng đang hoàn thành chiến lược phát triển xuất khẩu các mặt hàng mới như ống sợi thủy tinh, ống nước, tấm lợp,... đây là hướng đi mới của ngành VLXD nhưng cũng đồng thời tạo nên cơ hội mới cho Công ty cổ phần DONAC trong việc tiêu thụ sản phẩm.

c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Hướng phát triển của Công ty trong những năm tới, một mặt đẩy mạnh hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thống là tấm lợp Fibro xi măng, mặt khác phát triển mạnh mảng sản xuất xi măng bằng hình thức tự bỏ vốn đầu tư hoặc liên doanh liên kết với các đơn vị khác cùng ngành. Như vậy, xét trên phương diện định hướng phát triển của Bộ

xây dựng là đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số nhà máy xi măng lớn để đưa vào sản xuất, bình ổn cung cầu thị trường clinker và xi măng thì định hướng phát triển như trên của Công ty cổ phần Tắm lợp VLXD Đồng Nai là hoàn toàn phù hợp.

9. Chính sách đối với người lao động

a. Số lượng người lao động trong Công ty

Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty hiện nay đã được tinh giản, gọn nhẹ hơn so với khi mới thành lập trong năm 2000, lực lượng lao động được đào tạo nghiệp vụ cơ bản, chuyên môn cao bao gồm: cán bộ đầu ngành, cán bộ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật, công nhân vận hành thiết bị chuyên dùng. Với lực lượng lao động này, Công ty đủ năng lực vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao và có khả năng hỗ trợ đồng bộ cho các dự án đầu tư phát triển kinh tế và liên doanh khi có nhu cầu.

Cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện ở bảng sau:

Trình độ	Năm 2008	Tỷ lệ %
A. Phân theo trình độ lao động		
Trên Đại học, Đại học và Cao đẳng	63	14
Trung cấp, công nhân kỹ thuật	371	82
Phổ thông trung học	17	4
Tổng	451	100
B. Phân theo hợp đồng lao động		
Hợp đồng không xác định thời hạn	418	93
Hợp đồng từ 1-3 năm	33	7
Hợp đồng dưới 1 năm	01	-
Tổng	452	100

Nguồn: DONAC

b. Chính sách đào tạo, trợ cấp, phúc lợi...

Việc thực hiện luật lao động, pháp lệnh Bảo hộ lao động, chế độ bảo hiểm xã hội, an toàn lao động được thực hiện tốt, tránh không để xảy ra tai nạn lao động nào. Các chế độ hợp đồng lao động, tiền lương thực hiện đúng chính sách nhà nước quy định, đặc biệt duy trì tốt chế độ làm việc 40-44 giờ/tuần, nhưng sản xuất kinh doanh vẫn bảo đảm.

Cùng chế độ thực hiện chăm lo đời sống, hàng năm Công ty đã tổ chức các lớp huấn luyện đào tạo công nhân thi tay nghề, quy trình an toàn lao động chung và cho những công nhân làm việc ở các khu vực có yêu cầu cấp độ an toàn cao, trong năm đã giải quyết nghỉ chính sách cho 08 lao động, rà soát sắp xếp lại hơn 80 lao động ở các vị trí còn thiếu, làm cơ sở đào tạo thi nâng lương nâng bậc cho CBCNV.

Công tác kiểm tra an toàn lao động, an toàn thiết bị, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm được Ban bảo hộ lao động công ty thực hiện thường xuyên, định kỳ, môi trường lao động sản xuất được chú trọng đầu tư nâng cấp và đã được ghi nhận đánh giá tốt của các đoàn thanh tra, kiểm tra ban ngành trong Tỉnh và Bộ.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông khi hoạt động kinh doanh của công ty có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ chi trả cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, tùy vào kết quả kinh doanh đạt được trong năm hoạt động và mục tiêu, phương hướng của năm sản xuất kế tiếp.

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty trong năm 2007, 2008, và kế hoạch 2009, 2010, 2011 như sau:

Chỉ tiêu	2007	2008	KH 2009	KH 2010	KH 2011
Tỷ lệ	15%	15%	$\geq 12\%$	15%	17%

11. Tình hình tài chính

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc:	2% - 20%
Máy móc và thiết bị	10% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5% - 12,5%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

b. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2008 là 3.000.000 đồng/người. Đây là mức thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

c. Hàng tồn kho

Năm 2008 tỷ trọng hàng tồn kho trên tổng tài sản chiếm 24% tăng so với năm 2007 là 14%, nguyên nhân là do năm 2008 công ty nhận gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh nên nhu cầu dự trữ nguyên vật liệu tăng cao, mặt khác do dự báo giá nguyên vật liệu chính là Amiang năm 2009 sẽ tăng cao hơn năm 2008 nên Công ty quyết định tăng dự trữ nguyên vật liệu này để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được hiệu quả cao nhất.

d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Hiện tại, Công ty không có các khoản nợ quá hạn. Các khoản nợ phải trả của công ty được thanh toán đúng hạn.

e. Tình hình nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước

Đơn vị: 1.000.000 VND

Khoản mục	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
Thuế giá trị gia tăng	3.543	162	2.886
Thuế xuất nhập khẩu	358	-	-
Thuế thu nhập DN	1.590	920	2.565
Thuế nhà đất	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	38	117	27
Tổng cộng	5.529	1.199	5.478

(Nguồn: BCKT 2007, 2008, 2009)

Các loại thuế phải nộp theo Luật định Công ty đã thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho Cơ quan thuế đúng hạn.

f. Trích lập các quỹ

Việc trích lập và sử dụng các quỹ theo Điều lệ và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty trích lập các quỹ như: Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ hoạt động của kết quả kinh doanh HĐQT sẽ do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ, tùy theo trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty.

Số dư các Quỹ như sau:

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
Quỹ đầu tư phát triển	11.243	11.243	11.243
Quỹ dự phòng tài chính	5.006	6.891	8.555
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.169	3.619	4.736
Tổng cộng	18.418	21.753	24.543

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2007, 2008, 2009)

g. Tổng dư nợ vay*Đơn vị tính: 1.000.000 VND*

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
Vay và nợ ngắn hạn	-	15.152	79.079
Vay và nợ dài hạn	42.039	13.425	236.870
Tổng cộng	42.039	28.577	315.949

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2007, 2008, 2009

Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ vay theo như cam kết ghi trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, đến thời điểm hiện nay Công ty không có các khoản vay nào thuộc diện quá hạn.

h. Tình hình công nợ**- Các khoản phải thu***Đơn vị tính: 1.000.000VND*

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
Phải thu của khách hàng (*)	1.678	13.917	26.204
Trả trước cho người bán	57.328	52.744	729
Phải thu nội bộ	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.654	858	3.683
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	60.660	67.519	30.616

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2007, 2008, 2009.

(*) Đối với khoản phải thu khách hàng: Số dư phải thu khách hàng cuối năm 2008 tăng mạnh so với số dư năm 2007 là 729%, nguyên nhân là do dự án Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh tại Nhơn Trạch Đồng Nai đang được triển khai nên tháng 2/2007 Công ty ký hợp đồng EPC số CIMIC07A1/A001 với China Machine-Building International Corp về cung cấp thiết kế, thiết bị và vật tư thi công xây lắp cho dự án trị giá hợp đồng là 30.600.000USD (ứng trước 10% là 3.060.000USD cho khách hàng). Trong quá trình thi công lắp đặt máy móc thiết bị nhà thầu có mua vật tư của Công ty để phục vụ cho chính dự án này với khoản công nợ chưa thanh toán trên 9 tỷ đồng vì vậy khoản phải thu khách hàng năm 2008 có biến động lớn so với năm 2007.

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: 1.000.000VND

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
Nợ ngắn hạn	32.532	38.204	166.937
Vay và nợ ngắn hạn	-	15.152	79.079
Phải trả cho người bán	7.927	4.332	57.028
Người mua trả trước	135	188	16
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.529	1.199	5.478
Phải trả công nhân viên	5.243	3.671	10.570
Chi phí phải trả	582	668	1.689
Phải trả nội bộ	-	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13.116	12.994	13.076
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
Nợ dài hạn	42.039	14.666	236.870
Phải trả dài hạn người bán	-	-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	42.039	13.425	236.870
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	1.241	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	74.571	52.870	403.807

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2007, 2008, 2009.

i. Các lưu ý trên báo cáo kiểm toán năm 2007 và năm 2008

- **Lưu ý 1:** “ Công ty chưa hoàn thành thủ tục pháp lý đối với giá trị quyền sử dụng đất tại xã Vĩnh Thanh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng nai”.

Để hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu của thửa đất tại xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai sang tên Công ty thì trong Giấy phép đăng ký kinh doanh Công ty phải có chức năng kinh doanh bất động sản. Do vậy Công ty đang xin ý kiến cổ đông bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh bất động sản để sớm hoàn tất thủ tục pháp lý chuyển quyền sở hữu đứng tên Công ty. (Đính kèm Nghị Quyết Đại cổ đông số Ngày.....).

- **Lưu ý 2:** “ Công ty đã mua lại toàn bộ phần vốn của các cổ đông khác trong Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo-Phước Khánh để trở thành sở hữu 100% của Công ty này. Dự kiến, Công ty này sẽ được sáp nhập vào Công ty cổ phần Tầm Lọc Vật liệu Xây dựng Đồng Nai. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2008 việc sáp nhập này vẫn chưa được thực hiện”.

Công ty đang tiến hành làm thủ tục sáp nhập Công ty cổ phần VLXD và đầu tư Phương Thảo-Phước Khánh vào Công ty cổ phần Tầm Lọc VLXD Đồng Nai. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện Công ty gặp vấn đề khó khăn do chưa thống nhất với Sở Kế hoạch Đầu tư về hình thức chuyển đổi công ty sao cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Do vậy, Công ty đang nỗ lực tiến hành nhanh công việc này và theo tiến độ chậm nhất quý I/2010 thủ tục sáp nhập hai công ty sẽ hoàn thành xong.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	Hệ số tài chính	Năm 2007	Năm 2008	31/12/2009
I	Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	6,74	4,14	0,7
	Hệ số thanh toán nhanh	5,61	1,89	0,44
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,2	0,15	0,56
2	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0,24	0,18	1,3
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	3,79	2,34	3,85
2	Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,41	0,56	0,43
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
1	Hệ số LNST / Doanh thu thuần	21,09 %	19,13 %	10,62%
2	Hệ số LNST / Vốn CSH	10,89 %	12,68 %	10,68%
3	Hệ số LNST / Tổng tài sản	8,70 %	10,66 %	4,62%
4	Hệ số LN từ HĐKD / Doanh thu thuần	24,94 %	22,46 %	14,10%

Năm 2008 thực sự là một năm đầy thách thức đối với CTCP Tầm Lọc Vật liệu Xây dựng Đồng Nai, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã có những tác động rất lớn đối với hầu hết các Doanh nghiệp về xây dựng, sự trầm lắng của thị trường Bất động sản, các dự án, công trình phải giảm tiến độ thi công ... Nhưng trong năm vừa qua, có thể thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của DONAC vẫn ổn định, các chỉ số về khả năng thanh toán, năng lực hoạt động đều rất tốt, khả năng sinh lời được thể hiện qua chỉ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu vẫn giữ ổn định ở mức bình quân là trên 10%, tỷ lệ chia cổ tức hàng năm vẫn được đảm bảo ở mức 15%/năm và dự kiến sẽ tăng lên vào năm 2011.

Với nỗ lực và quyết tâm của toàn thể Ban lãnh đạo và nhân viên Công ty, tốc độ phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn được duy trì ổn định trong năm 2008. Bước sang năm 2009 Công ty đã tích cực đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất để tăng năng lực cạnh tranh. Điều này thể hiện trong các chỉ số tài chính của năm 2009. Hệ số thanh toán giảm đáng kể so với năm trước tuy nhiên hệ số thanh toán vẫn đảm bảo tính thanh khoản của Công ty. Hệ số nợ tăng lên nhưng tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu vẫn đảm bảo ổn định so với năm trước và dự kiến được tăng lên trong những năm sắp tới, đây là yếu tố cốt lõi của sự ổn định phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Công Lý	-	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Bá Truật	-	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Dương Xuân Bình	-	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Jiang Wen (Tuòng Văn)	-	Thành viên HĐQT
Ông Lê Trung Chính	-	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Tài Thiện	-	Thành viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Công Lý	-	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Khánh	-	Phó Tổng GĐ
Ông Dương Xuân Bình	-	Phó Tổng GĐ
Ông Lê Trung Chính	-	Phó Tổng GĐ
Ông Nguyễn Bá Truật	-	Phó Tổng GĐ
Bà Nguyễn Thị Ánh	-	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đoàn Mạnh	-	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Hữu Khai	-	Thành viên BKS

SƠ YẾU LÝ LỊCH TÓM TẮT**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Họ và tên	:	Nguyễn Công Lý
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	03-12-1961
Nơi sinh	:	Pleiku
CMND	:	023459708 do CA Tp HCM cấp ngày 30/01/1997
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú	:	52 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26 ,Q.Bình Thạnh TpHCM
Điện thoại liên lạc	:	0613.836130
Trình độ chuyên môn	:	Quản Trị Kinh Doanh

Quá trình công tác

- Từ tháng 10/2000-06/2005	:	Ủy viên HĐQT Công ty CP tấm Lợp VLXD ĐN
- Từ tháng 07/2005 – đến nay	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP tấm lợp VLXD Đồng Nai
Chức vụ công tác hiện nay	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP xi măng Công Thanh
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	:	
-Số cổ phần sở hữu cá nhân	:	3.750.000 cổ phần, chiếm 20,662%
-Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	:	
- Vợ : Nguyễn Thị Huệ	:	337.500 cổ phần, chiếm 1,86%
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	:	Không

2. Họ và tên	:	Nguyễn Bá Truật
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	01-09-1960
Nơi sinh	:	Trường Sơn, Nông Cống, Thanh Hóa
CMND	:	023183464 do CA TpHCM cấp ngày 17/03/1994
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	:	339/50/1A Phan Văn Trị,P.5, Q.Gò Vấp Tp HCM
Điện thoại liên lạc	:	0613.836130
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 12/1980 - 6/1988	:	Chuyên viên Đoàn chuyên gia kinh tế-văn hóa chính phủ (A40) Việt nam tại Campuchia
- Từ tháng 07/1988 - 10/1994	:	Chuyên viên tổng hợp văn phòng đại diện Bộ Xây Dựng tại Tp HCM
- Từ tháng 10/1994 đến nay	:	Trưởng phòng,Phó Tổng giám đốc Công ty CP tấm lợp VLXD Đồng Nai
Chức vụ công tác hiện nay	:	Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :

-Số cổ phần sở hữu cá nhân : 27.777 cổ phần, chiếm 0,15%

-Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan :

- Vợ : Nguyễn Thị Tươi : 30.000, chiếm 0,17%

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

3. Họ và tên : **Dương Xuân Bình**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 27-08-1958

Nơi sinh : Yên Ninh, Ý Yên, Nam Định

CMND : 022542324 do CA Tp HCM cấp ngày 15/12/1993

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Yên Ninh, Ý Yên, Nam Định

Địa chỉ thường trú : 23/6/5 Hoàng Văn Thụ, Q.Phú Nhuận Tp HCM

Điện thoại liên lạc : 0613.836130

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính kế toán

Quá trình công tác :

- Từ tháng 07/1980 : Cán bộ nhân viên Bộ Tài Chính

- Từ tháng 03/1985 đến tháng 05/1987 : Nhân viên làm việc tại Phòng Điều Tra hình sự Quận Khu 7

- Từ tháng 06/1987 đến nay : Kế toán trưởng, Phó Tổng giám đốc Công ty CP tắm lợp VLXD Đồng Nai

Chức vụ công tác hiện nay : Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :

-Số cổ phần sở hữu cá nhân : 29.064 cổ phần, chiếm 0,16 %

-Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN : 2.268.244 cổ phần, chiếm 12,5 %

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan :

Vợ : Trương Thị Nga : 657 cổ phần, chiếm 0,004%

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

4. Họ và tên : **Lê Trung Chính**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 12-01-1963
Nơi sinh : Nam Định
CMND : 023822
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xuân Thủy , Nam Định
Địa chỉ thường trú : 189 Chung cư Bộ Công An, Cống Quỳnh, Q.1 Tp HCM
Điện thoại liên lạc : 0613.836130
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hóa silicat
Quá trình công tác :
- Từ năm 1990 đến tháng 10/2005 : Kỹ sư - Công tác tại Công ty CP tấm Lợp VLXD ĐN
- Từ tháng 11/2005 đến nay : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP tấm lợp VLXD Đồng Nai
Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công Ty
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
-Số cổ phần sở hữu cá nhân : 178.950 cổ phần, chiếm 0,99%
-Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN : Không
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người liên quan : Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không
Các khoản nợ đối với công ty(nếu có) : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

5. Họ và tên : **Đỗ Tài Thiện**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 02-12-1965
Nơi sinh : Gio Hà , Gia Linh , Quảng Trị
CMND : 340964659 do CA tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 10/10/1995

Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Gio Hà , Gia Linh , Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	:	35B2 Lâm Văn Bền , Quận 7 Tp HCM
Điện thoại liên lạc	:	0613.836130
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Quản trị kinh doanh , kế toán tài chính ngân hàng
Quá trình công tác	:	
- Từ năm 1986 đến 1991	:	Cán bộ phòng nghiệp vụ kinh doanh Ngân hàng Thành Phố Đà Nẵng
- Từ năm 1991 đến 2001	:	Công tác tại Phòng kinh doanh Công ty Xi măng hà Tiên 1
- Từ năm 2001 đến nay	:	Phó giám đốc XN tiêu thụ Công ty CP tấm lợp VLXD Đồng Nai
Chức vụ công tác hiện nay	:	Ủy viên HĐQT
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	:	
-Số cổ phần sở hữu cá nhân	:	Không
-Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với công ty(nếu có)	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	:	Không

6. Họ và tên	:	Tường Văn (JIANG Wen)
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	26-08-1969
Nơi sinh	:	Trường Sa , Hồ Nam , Trung Quốc
CMND	:	HA9090245 ho Hồng Kông cấp ngày 05/09/2006
Quốc tịch	:	Trung Quốc
Dân tộc	:	Hán
Quê quán	:	Trường Sa, Hồ Nam, Trung Quốc
Địa chỉ thường trú	:	Số 19, ngõ 18, đường Nguyễn Hồng, Q.Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	:	04.37735529
Trình độ văn hóa	:	12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
 Quá trình công tác
 - Từ tháng 09/1991 : Kỹ sư - Công tác tại Công ty hợp tác kinh tế kỹ thuật quốc tế Thành Đô
 Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT
 Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
 -Số cổ phần sở hữu cá nhân : 40.921 cổ phần, chiếm 0,23 %
 -Số cổ phần sở hữu đại diện vốn : Không
 NN
 Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan : Không
 Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không
 Các khoản nợ đối với công ty(nếu có) : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

BAN KIỂM SOÁT

1. Họ và tên : **Nguyễn Hữu Khai**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 25-10-1955
 Nơi sinh : Quảng Trị
 CMND : 270970303 do CA tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/03/1998
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Quảng Trị
 Địa chỉ thường trú : 41/13 KP3 p.An Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai
 Điện thoại liên lạc : 0613.837902
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Đại Học Kinh tế
 Quá trình công tác :
 - Từ năm 1980 đến 1997 : Kế Toán Nhà máy cao su Tam Hiệp
 - Từ năm 1997 đến 2003 : Kế Toán Trưởng Công Ty Nam Long
 - Từ năm 2003 đến nay : Giám Đốc Công Ty Nam Long
 Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Giám đốc Công ty Nam Long
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
 -Số cổ phần sở hữu cá nhân : 51.250 cổ phần, chiếm 0,28 %
 -Số cổ phần sở hữu đại diện NN : Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của :
 những người liên quan :
 - Vợ : Nguyễn Thị Thanh Thảo : 73.314 cổ phần, chiếm 0,4%
 Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không
 Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

2. Họ và tên : **Nguyễn Đoàn Mạnh**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 08-11-1978
 Nơi sinh : Hải Phòng
 CMND : 024631195 do CA TpHCM cấp ngày 19/09/2006
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Hải Phòng
 Địa chỉ thường trú : Số 47 đường 39 phường Tân Quy, Quận 7, TP HCM
 Điện thoại liên lạc : 08.37752460
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng
 Quá trình công tác :
 - Từ năm 2000 đến 2008 : Là cán bộ công tác tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam-CN TPHCM
 Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát
 Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
 -Số cổ phần sở hữu cá nhân : 15.000 cổ phần, chiếm 0,08%
 -Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của : Không
những người liên quan

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Quyền lợi của cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không
công ty

❖ **Lưu ý về thành viên Ban kiểm soát:**

Hiện tại, Ban kiểm soát của Công ty chỉ còn 2 thành viên, thiếu một thành viên làm trưởng Ban kiểm soát. Nguyên nhân là do Ông Trần Quốc Khánh trưởng Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đơn từ chức và được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/HĐQT-NK2 ngày 16/5/2008. Công ty cam kết sẽ bầu bổ sung trưởng Ban kiểm soát trong Đại Hội cổ đông thường niên năm 2009 nhiệm kỳ tới.

BAN GIÁM ĐỐC

1. **Họ và tên** : **Nguyễn Công Lý**
Chức vụ : Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
(Xem phần Hội đồng quản trị)
2. **Họ và tên** : **Nguyễn Bá Truật**
Chức vụ : Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
(Xem phần Hội đồng quản trị)
3. **Họ và tên** : **Dương Xuân Bình**
Chức vụ : Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
(Xem phần Hội đồng quản trị)
4. **Họ và tên** : **Lê Trung Chính**
Chức vụ : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
(Xem phần Hội đồng quản trị)
5. **Họ và tên** : **Trần Quốc Khánh**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 02-09-1958
Nơi sinh : Thị trấn Quảng yên, tỉnh Quảng Ninh
CMND : 272097592 cấp ngày 07/11/2006 tại CA tỉnh Đồng Nai.
Quốc tịch : 330/14/1 KP5, P.Tân Tiến, Tp Biên Hòa, Đồng

Nai

Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Thị trấn Quảng yên, tỉnh Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	:	Giáo viên dạy nghề
Điện thoại liên lạc	:	0613.836130
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Giáo viên dạy nghề
Quá trình công tác	:	
- Từ năm 1980 đến 1985	:	Giáo viên giảng dạy ở trường sơ cấp kỹ thuật không quân tại Sân bay Biên Hòa thuộc Bộ Tư Lệnh Không Quân
- Từ năm 1985 đến 2000	:	Công tác tại Công ty CP Tắm Lọc VLXD Đồng Nai
- Từ năm 2000 đến tháng 4/2009	:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cp tắm lọc VLXD Đồng Nai
Chức vụ công tác hiện nay	:	Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	:	
-Số cổ phần sở hữu cá nhân	:	11.500 cổ phần, chiếm 0,06%
-Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với công ty	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	:	Không

6. Họ và tên	:	Nguyễn Thị Ánh
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	26-01-1966
Nơi sinh	:	Thị trấn Vĩnh An , tỉnh Đồng Nai
CMND	:	270860393 do CA tỉnh Đồng nai cấp ngày 29/12/1997

Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Thị trấn Vĩnh An , tỉnh Đồng Nai
 Địa chỉ thường trú : 131B đường 30-4 , Tp Biên Hòa, Đồng Nai
 Điện thoại liên lạc : 0613.836984
 Trình độ chuyên môn : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính kế toán
 Quá trình công tác :
 - Từ năm 1984 đến 1993 : Kế toán Công ty Tầm Lọt VLXD Đồng Nai
 - Từ năm 1994 đến 2005 : Phó Phòng kế toán Công ty CP Tầm Lọt VLXD Đồng Nai
 - Từ năm 2005 đến 2007 : Ủy viên Ban kiểm soát, Phó phòng kế toán Công ty CP Tầm Lọt VLXD Đồng Nai
 Chức vụ công tác hiện nay : Kế Toán Trưởng
 Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :
 -Số cổ phần sở hữu cá nhân : 7.500 cổ phần, chiếm 0,04 %
 -Số cổ phần sở hữu đại diện vốn NN : Không
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Các khoản nợ đối với công ty : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

13. Tình hình tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty theo Báo cáo tài chính tính đến thời điểm 31/12/2009 được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: 1.000.000VND

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình		119.526	30.573
01	Nhà cửa vật kiến trúc	26.802	5.892
02	Máy móc và thiết bị	69.026	12.135
03	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	22.943	12.447

04	Máy móc thiết bị quản lý	755	99
Tài sản cố định vô hình		356	261
Cộng		119.882	30.834

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

a. Định hướng phát triển

Tập trung mọi khả năng, năng lực hiện có, đầu tư xây dựng hoàn thành dự án xi măng Công Thanh công suất 1.000.000 tấn/năm. Và sớm đưa vào hoạt động sản xuất cho ra sản phẩm vào quý II/2010.

Tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý kinh tế như: tiếp tục quản lý chặt chẽ sử dụng vật tư, lao động. Phát huy kinh nghiệm và thành tích tốt trong quản lý công tác sửa chữa lớn thiết bị, giảm các hao phí lao động không cần thiết, phấn đấu tiếp tục hạ giá thành, nâng cao mức lưu chuyển vốn kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm bằng cơ chế giá bán và hình thức tiêu thụ sản phẩm hợp lý, tăng nhanh vòng quay của vốn lưu động trong năm, phấn đấu đạt mức 06 vòng luân chuyển vốn lưu động/năm nhằm tăng tỷ suất lợi nhuận.

Thực hiện tốt các kế hoạch cung ứng vật tư, phụ tùng nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất, sửa chữa thường xuyên, và đồng bộ với giá cả hợp lý, phấn đấu giảm mức sử dụng vật tư, đặc biệt là vật tư phục vụ sửa chữa, giảm chi phí trong quản lý ở từng xí nghiệp và trong toàn Công ty, hạ giá thành sản phẩm tăng khả năng cạnh tranh trên thương trường.

Áp dụng quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2000 tiếp tục cải tiến quy trình vận hành thiết bị, quản lý chặt chẽ quy trình công nghệ, mạnh dạn áp dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới nhằm nâng cao sản lượng tấm lọc xi măng. Phấn đấu giữ chất lượng xi măng, tấm lọc ổn định và giảm tỷ lệ sản phẩm hỏng trong sản xuất tấm lọc dưới mức cho phép và thấp hơn năm 2008.

Kết hợp chặt chẽ việc đào tạo nâng cao kiến thức, tay nghề cho công nhân với việc tăng cường giáo dục ý thức văn hóa doanh nghiệp, xây dựng tác phong làm việc khoa học và công nghiệp, tuân thủ quy trình quy phạm kỹ thuật, an toàn sản xuất, vệ sinh môi trường lao động, và quy chế nội bộ công ty.

Nâng cao tính hợp tác, thực sự công khai minh bạch và bình đẳng về các mối quan hệ lợi ích của các cổ đông trong công ty, lợi ích giữa doanh nghiệp với người lao động, phấn đấu vì lợi ích của công ty cũng là lợi ích của riêng mình. Với tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, tăng năng suất lao động đảm bảo chất lượng, góp phần hạ giá thành sản phẩm, tăng nhanh tích lũy nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững, gắn liền lợi ích của cổ đông với đời sống người lao động.

Tăng nhanh khả năng đầu tư công nghệ mới, tăng cường mọi tiềm lực, sức mạnh của công ty bằng cách tiếp tục kinh doanh đa dạng hóa sản phẩm và xây dựng quan hệ bạn hàng với nhiều phía, đưa Công ty bước sang một giai đoạn mới, theo kịp công nghệ sản xuất mới trong những năm tới, tạo sức cạnh tranh mới.

b. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2010 - 2011

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cổ tức của Công ty từ 2010-2011 được dự kiến như sau:

Đơn vị tính: 1.000 VND

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị	% tăng, giảm so với 2008	Giá trị	% tăng, giảm so với 2009	Giá trị	% tăng, giảm so với 2010
Vốn điều lệ	181.491	-	272.236	50%	272.236	0%
Doanh thu thuần	313.524	59,14%	280.000	12%	410.000	21%
Lợi nhuận trước thuế	44.924	1,07%	65.000	38%	97.000	21%
Lợi nhuận sau thuế	33.297	(11,66%)	48.750	38%	72.750	21%
LNST / DT thuần	10,62%	(44,49%)	17,41%	1,39%	17,74%	0,33%
LNST / Vốn điều lệ	18,35%	(11,65%)	17,91%	(1,51%)	26,72%	8,81%
Cổ tức	15%		15%		17%	2%

Nguồn: DONAC

c. Điểm mạnh điểm yếu, cơ hội nguy cơ.

Điểm mạnh:

- Nguyên vật liệu sản xuất xi măng chủ yếu là đá vôi, đất sét là loại nguyên liệu chính sẵn có với trữ lượng lớn nên Công ty có nhiều lợi thế trong hoạt động sản xuất nhờ vào nguồn nguyên liệu dồi dào này. Bên cạnh đó, phần lớn các nguyên vật liệu phụ điều được sản xuất trong nước
- Công tác quản lý và điều hành luôn được cải tiến và thay đổi linh hoạt, nhờ đó Công ty luôn giữ vững được mục tiêu kế hoạch hoạt động theo phương hướng duy trì ổn định và phát triển bền vững.
- Công ty luôn tạo được sự đồng tâm hiệp lực từ trên xuống dưới: đoàn kết, phối hợp và tương trợ lẫn nhau, cùng nhau khắc phục những yếu kém, vượt qua khó khăn để hoàn thành mục tiêu chung.
- Công ty có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực vật liệu xây dựng

Điểm yếu:

- Các sản phẩm của Công ty cung cấp cho thị trường chưa được đa dạng.
- Hệ thống phân phối sản phẩm chưa phủ dày và đều.

Cơ hội:

- Thu hút vốn đầu tư thông qua thị trường chứng khoán.
- Việt Nam tham gia các Tổ chức kinh tế thế giới.
- Kinh tế Việt nam đang trên đà phát triển.
- Đầu tư ở tỉnh Đồng Nai đang phát triển.

Nguyên cơ:

- Nguồn cung cấp vật liệu chủ yếu cho Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh - Đồng Nai phụ thuộc phần lớn vào nhà máy xi măng Công Thanh.
- Các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam (sau khi Việt Nam gia nhập WTO) sẽ thu hút một lượng lớn nhân sự đã được đào tạo tại các Doanh nghiệp trong nước, gây khó khăn cho công tác nhân sự.
- Các sản phẩm ngói, gạch có xu hướng giảm tiêu thụ.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tầm lược Vật liệu Xây dựng Đồng Nai cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai đầu tư xây dựng. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty cổ phần tầm lược vật liệu xây dựng Đồng Nai là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường.

Nền kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng mạnh, cơ sở hạ tầng phát triển nhanh, đặc biệt là khu vực Đông Nam bộ là vùng kinh tế trọng điểm phía nam có tốc độ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng rất cao nên nhu cầu tiêu thụ xi măng, vật liệu xây dựng rất lớn. Chính vì vậy hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn toàn có thể duy trì và tăng trưởng trong những năm tới.

Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong 2 năm 2010 - 2011 là có tính khả thi, và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu

Công ty không có tranh chấp kiện tụng.

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH.

- 1. Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- 2. Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:** 9.074.549 cổ phần
- 4. Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phần
- 5. Thời gian phân phối cổ phiếu:**

Dự kiến sẽ thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ khi có giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN

6. Đăng ký mua cổ phiếu**6.1 Thời hạn:**

Thời hạn đăng ký quyền mua và nộp tiền: Kể từ ngày cổ đông hiện hữu nhận được thông báo quyền mua, cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua trong thời hạn 20 ngày làm việc.

6.2 Số lượng:

Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 9.074.549 cổ phần

6.3 Phương thức thanh toán:

- Đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký: thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
- Đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: thanh toán bằng tiền mặt tại Công ty cổ phần Tầm Lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai hoặc chuyển khoản theo tài khoản số 102010000515467 tại Sở giao dịch II – Ngân hàng Công thương Việt Nam cho Công ty cổ phần Tầm Lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.

6.4 Chuyển giao cổ phiếu:

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành phải có trách nhiệm chuyển giao cổ phiếu cho người mua.
- Đối với cổ đông hiện hữu: Khi có thông báo niêm yết chính thức, thành viên lưu ký sẽ tự động chuyển khoản từ chứng khoán chưa niêm yết sang chứng khoán niêm yết trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.

6.5 Quyền lợi người mua cổ phiếu:

Đối với cổ đông hiện hữu: Quyền ưu tiên mua trước cổ phần theo danh sách sở hữu cuối cùng với giá bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

7. Phương thức thực hiện quyền (đối với cổ đông hiện hữu)

7.1 Điều kiện thực hiện quyền:

Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua sẽ được mua thêm 01 cổ phần mới.

7.2 Thời gian thực hiện quyền:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.

7.3 Tỷ lệ thực hiện quyền:

Cổ đông sở hữu 02 (hai) cổ phần cũ được quyền mua 1 (một) cổ phần mới

7.4 Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền:

Số cổ phần dư ra do việc không thực hiện quyền của cổ đông và số cổ phần lẻ do việc làm tròn đến hàng đơn vị của số cổ phần chào bán sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

7.5 Các điều khoản khác có liên quan:

- Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.
- Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

8. Kế hoạch phân phối cổ phiếu

Lịch trình phân phối cổ phiếu phát hành được thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
1	Công bố thông tin đợt phát hành	T+7
2	Chốt ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu	T+10
3	Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu.	Đến ngày T+22
4	Cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua cổ phần (theo quy định tối thiểu 20 ngày)	Từ ngày T+23 đến T+43
5	Tổng hợp thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu	T+43 đến T+46
6	Xử lý số cổ phiếu không bán hết	T+46 đến T+50
7	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục đăng ký	T+51 đến T+55

	niêm yết bổ sung	
8	Sở GD&ĐT Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành	Ngày T+55
9	Cổ phiếu phát hành chính thức giao dịch	Ngày T+60

T: là ngày nhận Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán do UBCK cấp.

Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài ở ngoài Việt Nam

Đối với cổ đông hiện hữu: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 15/4/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, theo đó cá nhân, tổ chức nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.

9. Các hạn chế liên quan đến việc sở hữu và chuyển nhượng cổ phần mới chào bán:

Không có

10. Các loại thuế có liên quan

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 22/09/2000 (theo giấy ĐKKD), hiện nay Công ty Cổ phần tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai đang chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

11. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -CN TPHCM
Địa chỉ: 79A Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM
Số điện thoại: (84-08) 9141626 - 8212242
Số hiệu tài khoản: 10201 0000 515 467

VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Năm 2008, Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai đã thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu ra công chúng để huy động vốn thực hiện cho dự án nhà máy nghiền Xi măng Công Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai. Tuy nhiên khi kết thúc đợt phát hành, số vốn mà Công ty cần huy động chỉ đạt 137.374.770.400 đồng đạt 50,02% kế hoạch vốn cần huy động do tại thời điểm trên nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng lâm vào tình trạng suy thoái nghiêm trọng, thị trường chứng khoán không thực sự là kênh đầu tư hiệu quả nên dẫn tới khả năng thu hút vốn của các nhà đầu tư là không cao. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu đã từng bước được cải thiện đáng kể, thị trường chứng khoán dần tạo được sự quan tâm trở lại của đông đảo công chúng nhà đầu tư. Từ những nhận định khách quan trên, Đại hội đồng cổ đông Công ty nhận định đây là thời điểm thích hợp để tiếp tục thực hiện kế hoạch tái huy động vốn để phục vụ cho dự án trạm nghiền Xi măng Công Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai mà trước đó Công ty chưa thực hiện thành công.

TÓM TẮT DỰ ÁN NHÀ MÁY NGHIÊN XI MĂNG CÔNG THANH – NHƠN TRẠCH



1. Cơ sở lý luận và thực tiễn:

Nhà máy xi măng Công Thanh công suất 2.500 tấn clanhke/ngày, tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư xây dựng trong văn bản số 725/TTg-CN, ngày 12/5/2006. Dự án đã đi vào hoạt động và tiếp tục làm dây chuyền 2 công suất 11.000 tấn clinker /ngày (Khởi công ngày 17/10/2009) .

Dự án Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh tại khu công nghiệp Ông Kèo - Đồng Nai gắn liền với Dự án xi măng Công Thanh đã được Chính phủ cho phép đầu tư, nhằm gia công nghiền clinker đến sản phẩm cuối cùng là xi măng để phục vụ cho sản xuất tấm lợp của Công ty cổ phần tấm lợp và VLXD Đồng Nai và cung cấp xi măng cho thị trường vùng Đông Nam Bộ. Trong đó Dự án xi măng Công Thanh đã chỉ rõ toàn bộ clanhke của nhà máy sẽ được cung cấp cho Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh - Đồng Nai với công suất 1.000.000 tấn/năm và cơ sở nghiền xi măng của Công ty cổ phần tấm lợp VLXD Đồng Nai với công suất 300.000 tấn/năm.

Sản phẩm clanhke của Nhà máy xi măng Công Thanh sẽ được vận chuyển theo tuyến thủy bằng tàu biển trọng tải đến 3 vạn tấn, từ cảng nước sâu Nghi Sơn đến cảng Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch trên sông Lòng Tàu.

Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh được xây dựng tại ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Khu đất đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận cho Công ty cổ phần tấm lợp và VLXD Đồng Nai thuê đất, mặt nước và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để xây dựng cụm công nghiệp VLXD.

Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh được lập với các căn cứ pháp lý sau:

- Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/12/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Văn bản số 363/TTg-CN, ngày 01/03/2006 của Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung Dự án Nhà máy xi măng Công Thanh, Thanh Hoá vào Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến 2020.
- Văn bản số 725/TTg-CN, ngày 12/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư xây dựng công trình Nhà máy xi măng Công Thanh, công suất 2500 tấn clanhke/ngày, tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.
- Quyết định số 01/QĐ ngày 09/6/2006 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Công Thanh phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy xi măng Công Thanh, Thanh Hoá công suất 2500 tấn clanhke/ngày.
- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai số 4120/QĐ.CT.UBT ngày 16/11/2001 về việc cho Công ty cổ phần tấm lợp VLXD Đồng Nai thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích xây dựng cụm công nghiệp vật liệu xây dựng tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần tấm lợp - vật liệu xây dựng Đồng Nai được quyền sử dụng 213.496,4m² đất tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/11/2001.
- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai số 3108/QĐ.CT.UBT ngày 26/8/2002 về việc chấp thuận cho Công ty cổ phần tấm lợp VLXD Đồng Nai thuê đất mặt nước và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để xây dựng cảng cụm công nghiệp vật liệu xây dựng tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần tấm lợp - vật liệu xây dựng Đồng Nai được quyền sử dụng 88.629,8m² đất mặt nước tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/8/2002.
- Hợp đồng thuê 213.496,4m² đất tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, số 431/HĐTĐ.trn ngày 29/11/2001 giữa Sở Địa chính tỉnh Đồng Nai và Công ty cổ phần tấm lợp - vật liệu xây dựng Đồng Nai.
- Phụ lục Hợp đồng thuê đất của Hợp đồng thuê đất số 431/HĐTĐ.trn, ngày 25/09/2002 giữa Sở Địa chính tỉnh Đồng Nai và Công ty cổ phần tấm lợp - vật liệu xây dựng Đồng Nai.

2. Mục tiêu dự án

- Tận dụng nguồn nhân lực tại địa phương.
- Đáp ứng nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường trong nước.
- Chủ động tạo ra nguồn cung ứng xi măng - vật liệu xây dựng ổn định trên thị trường.
- Khai thác nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương.

3. Hình thức và phạm vi đầu tư

a. Hình thức đầu tư

Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh được đầu tư xây dựng mới, chủ đầu tư là :

CÔNG TY CỔ PHẦN TÁM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

Nguồn vốn đầu tư dự án :

- Vốn tự có của Công ty Cổ phần Tám lốp VLXD Đồng Nai.
- Vốn vay thương mại ngân hàng trong nước.

4. Phương án huy động vốn đầu tư

a/ Tổng hợp tổng mức đầu tư

Đơn vị tính: 1000 VND

TT	Khoản mục	Giá trị trước thuế GTGT	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế GTGT	Chi phí ngoại tệ (USD)
1	Xây dựng	132.447.000	13.244.700	145.691.700	7.791.000
2	Thiết bị	387.243.000	36.855.300	424.098.300	22.779.000
3	Chi phí quản lý dự án và chi phí khác	19.000.000		19.000.000	
3.1	Chi phí QLDA, chi phí khác chưa kể lãi vay	7.000.000		7.000.000	
3.2	Lãi vay	12.000.000		12.000.000	
4	Vốn dự phòng	510.000		510.000	30.000
*	Tổng mức đầu tư	539.200.000	50.100.000	589.300.000	30.600.000

b/ Cơ cấu nguồn vốn huy động :

Nguồn vốn huy động đã đảm bảo cho dự án được hoàn thiện và đi vào hoạt động được thực hiện chủ yếu thông qua 2 nguồn là:

Vốn của Chủ đầu tư : 239.300.000.000 đồng, chiếm 40,61% tổng mức đầu tư.

Vốn huy động từ nguồn vay ngân hàng thương mại: 350.000.000.000 đồng chiếm 59,39% tổng mức đầu tư với lãi suất khoảng 10,5%/năm

Thời gian vay nợ: Các khoản vay từ ngân hàng thương mại là 10 năm kể cả thời gian ân hạn (thời gian ân hạn 2 năm, thời gian trả nợ 8 năm)

Giải trình phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu năm 2007 và 2008 cho dự án Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh – Nhơn Trạch.

Theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước số 178/UBCK-GCN ngày 21/9/2007:

- Tổng khối lượng chứng khoán chào bán là 12.097.346 được chia làm 2 đợt như sau:.

- + Đợt 1 chào bán cho cổ đông hiện hữu với số lượng phát hành là 6.048.673 cổ phiếu. Thời gian phân phối vào QIII/2007.
- + Đợt 2 phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên, số lượng 6.048.673. Thời gian phân phối vào QI/2008.
- Mục đích của đợt chào bán: Tiếp tục góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh (góp đủ 10% vốn điều lệ) và đầu tư xây dựng dự án trạm nghiền xi măng ở Nhơn Trạch Đồng Nai.
- Tổng số vốn dự án dự kiến huy động là 274.609.754.200 VND.

Tuy nhiên sau đợt phát hành tổng số vốn huy động được là 137.374.770.400 VND trong đó: Vốn huy động được của đợt 1: 137.304.877.100 VND, đợt 2: 69.893.300 VND, đạt 50,02% so với số vốn dự kiến huy động. Nguyên nhân của việc chào bán chứng khoán đợt 2 không thành công và không thu đủ số vốn dự kiến là do kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng đang trên đà suy giảm mạnh, thị trường chứng khoán cũng sụt giảm nhanh chóng nên việc huy động vốn không hấp dẫn các nhà đầu tư.

Với số tiền đã huy động được trong đợt phát hành này Công ty đã tiếp tục thực hiện góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh 60 tỷ đồng (10% vốn điều lệ), số tiền còn lại được sử dụng vào dự án Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh. Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm 30/9/2009 như sau:

Đơn vị :1.000 VND

Nguồn vốn	Tổng vốn đầu tư	Đã đầu tư đến 30/9/2009	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch	Chênh lệch
Vốn chủ đầu tư	239.300.000	144.765.534	60%	94.534.466
Vốn vay	350.000.000	198.265.987	57%	151.734.013
Tổng cộng	589.300.000	343.031.521	58%	246.268.479

Do vậy, việc huy động vốn lần này sẽ tiếp tục bổ sung nguồn vốn đầu tư vào dự án trạm nghiền xi măng Nhơn Trạch Đồng Nai.

5. Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

❖ Kế hoạch sản xuất

Căn cứ vào năng lực sản xuất của thiết bị công nghệ và thị trường dự kiến sau khi đầu tư, mức công suất huy động như sau:

- Năm sản xuất thứ nhất : Nhà máy huy động 80% công suất thiết kế
- Năm sản xuất thứ hai : Nhà máy huy động 90% công suất thiết kế
- Từ năm thứ ba trở đi : Nhà máy huy động 100% công suất thiết kế

❖ Thị trường tiêu thụ sản phẩm

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch gồm các tỉnh vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh thành khác.

6. Phân tích hiệu quả tài chính – kinh tế

❖ Các điều kiện phân tích hiệu quả Kinh tế – Tài chính

➤ Thời gian tồn tại của nhà máy và thời gian đánh giá dự án

- Dự kiến thời gian tồn tại và hoạt động của nhà máy trên 50 năm kể từ khi hoàn thành công việc xây dựng.
- Thời gian phân tích hiệu quả Kinh tế – Tài chính của Dự án được tính toán cho 15 năm vận hành sản xuất.

➤ Các điều kiện hoạt động của Dự án

- Sản phẩm sản xuất hàng năm trong suốt thời gian phân tích không thay đổi.
- Giá cả và các yếu tố đầu vào và đầu ra có mức độ biến động như nhau.
- Các nghĩa vụ tài chính như thuế suất thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp v.v..trong dự án phù hợp với qui định hiện hành và không thay đổi trong suốt thời gian phân tích của Dự án.

❖ Phân tích tính khả thi của dự án :

➤ Điểm hoà vốn

Doanh thu hoà vốn, công suất hoạt động hoà vốn và sản lượng hoà vốn của Dự án được tính toán cụ thể cho từng năm hoạt động sản xuất của Nhà máy.

Điểm hoà vốn trung bình của dòng đời Dự án:

- Doanh thu hoà vốn năm trung bình: 443.259.801.000 đồng
- Công suất hoạt động hoà vốn năm trung bình: 56,82%
- Sản lượng hoà vốn: 550.323 tấn

Với công suất hoà vốn năm trung bình 56,82% cho thấy dự án đầu tư Nhà máy xi măng Nhơn Trạch có độ an toàn cao, công suất huy động này thấp hơn so với công suất dự kiến huy động ban đầu và công suất của các nhà máy xi măng đang hoạt động hiện tại. Khi có những thay đổi về thị trường theo chiều hướng giảm khả năng tiêu thụ sản phẩm, với công suất huy động 56,82% Nhà máy vẫn có khả năng hoà vốn.

➤ Hệ số hoàn vốn nội bộ (IRR), hiện giá trị thuần (NPV) và thời gian thu hồi vốn

Từ kết quả phân tích hiệu quả Kinh tế – Tài chính của Dự án xác định được:

- Hệ số hoàn vốn nội bộ: $IRR = 17,11\%$.
- Hiện giá trị thuần: $NPV = 175.722.379.000$ đồng.
- Thời gian thu hồi vốn (không kể thời gian thực hiện đầu tư) là 6 năm 1 tháng - Thời gian thu hồi vốn (kể cả thời gian thực hiện đầu tư) là 7 năm 3 tháng.

Hiện giá trị thuần 175.722.379.000 đồng > 0 , hệ số hoàn vốn lớn hơn tỷ số chiết khấu (17,11% so với 11,40%), dự án đầu tư có tính khả thi.

❖ **Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận từ dự án :**

Chỉ tiêu	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5
Sản lượng (Tấn)	800.000	900.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
Doanh Thu (Ngàn đồng)	136.000.000	153.000.000	170.000.000	170.000.000	170.000.000
LNST (Ngàn đồng)	32.000.000	47.687.000	52.876.000	57.469.250	62.063.000

❖ **Tổng hợp các chỉ tiêu cơ bản Kinh tế - Tài chính**

- Tổng mức đầu tư: 589.357.300.000 đồng
- Chi phí đầu tư cố định trước thuế 496.630.977.000 đồng
- Suất đầu tư cho 1 tấn xi măng 497.000 đồng/tấn (31,04 USD/tấn)
- Hệ số thu hồi vốn nội bộ IRR: 17,11%
- Hiện giá trị thuần: 175.722.397.000 đồng
- Thời gian thu hồi vốn (không kể thời gian thực hiện đầu tư) 6 năm 1 tháng
- Thời gian thu hồi vốn (kể cả thời gian thực hiện đầu tư) 7 năm 3 tháng
- Điểm hoà vốn (năm trung bình):
 - + Doanh thu hoà vốn: 443.259.801.000 đồng
 - + Công suất hoà vốn: 56,82%
 - + Sản lượng hoà vốn 550.323 tấn

Dự án đi vào hoạt động sản xuất tạo việc làm cho hơn 300 người, thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển, đáp ứng nhu cầu xi măng ngày càng tăng của tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận. Ngoài các vấn đề về tạo việc làm, thúc đẩy công nghiệp phát triển, tăng thu nhập và sức mua của người dân, dự án còn đóng góp vào Ngân sách Nhà nước hàng năm số tiền hơn 58 tỷ.

Đóng góp Ngân sách Nhà nước năm trung bình

STT	Năm trung bình	Đơn vị tính	Giá trị
1	Thuê đất	1.000 đồng	16.763
2	Thuế GTGT	1.000 đồng	37.417.164
3	Thuế TNDN	1.000 đồng	21.829.586
	Tổng cộng	1.000 đồng	59.263.513

❖ **Tiến độ thực hiện dự án**

Đến thời điểm 30/9/2009 dự án đầu tư đã triển khai và hoàn thiện các hạng mục cơ bản như cơ sở hạ tầng và lắp đặt máy móc thiết bị. Tổng vốn đầu tư đã giải ngân thực tế chiếm 58% so với vốn đầu tư. Dự kiến vào đầu Q2/2010 dự án hoàn thiện và đi vào hoạt động.

Một số hình ảnh về dự án đầu tư đang triển khai



VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

❖ Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là 90.745.490.000 đồng, Công ty sẽ phân bổ toàn bộ vào dự án Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai.

❖ Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu bán không hết và phương án khi không thu đủ tiền từ đợt chào bán

- **Nguyên tắc xác định cổ phiếu lẻ:** Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ 2:1 cổ phần (Cổ đông sở hữu 2 cổ phần sẽ được mua 1 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần số lẻ dưới một đơn vị sẽ được làm tròn bằng 0.

- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không bán hết và phương án khi không thu đủ tiền từ đợt chào bán:** Sau khi kết thúc đợt phát hành số lượng cổ phần dôi ra do làm tròn và số lượng cổ phần mà các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị quyết định tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư phù hợp với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu. Trường hợp vốn huy động không đủ như dự kiến Hội đồng quản trị công ty quyết định hình thức khác là vay ngân hàng và lên kế hoạch chi tiết việc sử dụng số tiền huy động được từ đợt phát hành để triển khai dự án.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH**1. Tổ chức Phát hành.****CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Đường số 4, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại : (061) 3836130
Fax : (061) 3836023

2. Tổ chức kiểm toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C**

Địa chỉ : 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại : (08) 3827 2295
Fax : (08) 3827 2300

3. Tổ chức tư vấn.**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Trụ sở : 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3.773 7070 Fax: (84-4) 3.773 9058

Chi nhánh : 11 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 6.290 8686 Fax: (84-8) 6.291 0607

IX. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
- 3. Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008, Báo cáo tài chính năm 2009
- 4. Phụ lục IV:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGĐ, BKS
- 5. Phụ lục V :** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty
- 6. Phụ lục VI :** Các tài liệu khác

Biên Hoà, ngày ... tháng ... năm 2010

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI (DONAC)

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN CÔNG LÝ

NGUYỄN THỊ ÁNH

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỖ TUÂN